

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023)

Viet Capital  
Bank

## Ngân hàng Bản Việt

### NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số .../SGDHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2023)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2023 tại:

#### TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Viet Capital  
Bank  
Ngân hàng Bản Việt

- Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 62 679 679 Fax: (028) 6263 8668

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

##### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751

#### Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Nguyễn Thanh Tú

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (028) 62 679 679

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12/2023



# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023)

Địa chỉ: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 62 679 679 Fax: (84-28) 6263 8668

## NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

<b>Tên trái phiếu:</b>	Trái phiếu BVB phát hành ra công chúng năm 2021–2022 (Đợt 3)
<b>Loại trái phiếu:</b>	Trái phiếu nợ thứ cấp, không chuyển đổi, không có đảm bảo, không kèm chứng quyền, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BVBank theo quy định hiện hành
<b>Mã chứng khoán:</b>	BVB123025
<b>Thời điểm đáo hạn:</b>	22/08/2029
<b>Lãi suất:</b>	9%/năm
<b>Kỳ trả lãi:</b>	Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn (01) năm liên tục kể từ Ngày Phát Hành
<b>Mệnh giá:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Giá chào bán:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Tổng số lượng trái phiếu niêm yết:</b>	3.843.800 (ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm) trái phiếu
<b>Tổng giá trị trái phiếu niêm yết theo mệnh giá:</b>	384.380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi bốn tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751



## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	2
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	6
1. Rủi ro kinh tế .....	6
a. Rủi ro lãi suất.....	6
b. Rủi ro tín dụng.....	7
c. Rủi ro ngoại hối.....	7
d. Rủi ro thanh khoản .....	8
e. Rủi ro hoạt động ngoại bảng .....	8
2. Rủi ro luật pháp.....	9
3. Rủi ro ngành.....	10
4. Rủi ro khác.....	10
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	10
1. Tổ chức phát hành.....	10
2. Tổ chức tư vấn .....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM .....	11
1. Các khái niệm .....	11
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt.....	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	14
1. Thông tin chung về Tổ chức niêm yết .....	14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
3. Quá trình tăng vốn điều lệ.....	21
4. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành .....	25
4.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động: .....	25
4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVBank.....	26
5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	26
5.1. Đại hội đồng cổ đông.....	26
5.2. Hội đồng quản trị .....	27
5.3. Văn phòng HĐQT.....	27
5.4. Ban Kiểm soát.....	27
5.5. Phòng kiểm toán nội bộ .....	27
5.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác ...	27
5.7. Ban Điều hành .....	28
5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định	28
5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVBank.....	28

6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của BVV; Danh sách cổ đông sáng lập của BVBank; Cơ cấu cổ đông.....	31
6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần:.....	31
6.2. Danh sách cổ đông sáng lập.....	31
6.3. Cơ cấu cổ đông.....	31
7. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của BVBank.....	32
7.1. Danh sách những công ty mẹ của BVBank.....	32
7.2. Danh sách công ty con của tổ chức phát hành.....	32
7.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	32
7.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	33
8. Hoạt động kinh doanh.....	33
8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:.....	33
8.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn:.....	39
8.3. Thị trường hoạt động:.....	41
8.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.....	42
9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	44
9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu HĐKD của BVBank trong 2 năm gần nhất và quý gần nhất.....	44
9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của BVBank trong năm báo cáo.....	44
10. Vị thế của BVBank so với các ngân hàng khác trong ngành:.....	46
11. Chính sách đối với người lao động.....	51
12. Tình hình hoạt động tài chính.....	53
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản:.....	53
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	55
13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	57
13.1. Hội đồng Quản trị.....	57
13.2. Ban Tổng Giám đốc.....	64
13.3. Ban Kiểm soát.....	69
13.4. Kế toán trưởng.....	72
14. Tài sản:.....	73
15. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức.....	75
16. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo.....	75
17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.....	77

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết .....	78
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ chức đăng ký niêm yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	78
<b>V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT:</b> .....	79
1. Loại trái phiếu: .....	79
2. Tên trái phiếu .....	79
3. Mã trái phiếu .....	79
4. Mệnh giá: .....	79
5. Số lượng trái phiếu niêm yết:.....	79
6. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành .....	79
7. Ngày phát hành .....	79
8. Ngày Đáo hạn .....	79
9. Kỳ hạn.....	79
10. Xếp hạng tín nhiệm.....	79
11. Mục đích phát hành trái phiếu và mục đích sử dụng vốn .....	79
12. Lãi suất và xác định tiền lãi trái phiếu: .....	80
12.1. Lãi suất: .....	80
12.2. Xác định tiền lãi trái phiếu: .....	80
13. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu: .....	82
14. Quyền Mua lại Trái phiếu trước hạn.....	82
15. Phương pháp tính giá (Công thức kèm ví dụ minh họa).....	83
16. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (Công thức kèm ví dụ minh họa) .....	85
17. Phương pháp thực hiện quyền: .....	85
18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết: .....	86
19. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo:.....	86
20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:.....	86
21. Các loại thuế có liên quan:.....	86
21.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân:.....	86
21.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp: .....	87
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:</b> .....	88
1. Tổ chức kiểm toán: .....	88
2. Tổ chức tư vấn: .....	88
<b>VII. PHỤ LỤC</b> .....	88





## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

*Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/ sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.*

Việc một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (BVBank), và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà BVBank hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

Trong quá trình tiến hành hoạt động kinh doanh, BVBank phải chịu nhiều rủi ro khác nhau, trong đó các rủi ro cơ bản là rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp, rủi ro về ngành và các rủi ro khác. Mặc dù, BVBank tin rằng đã thực hiện các chính sách, quy trình phù hợp để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, các nhà đầu tư cần lưu ý rằng khả năng không thể kiểm soát một cách hợp lý những rủi ro này có thể lớn hơn so với dự tính và có thể gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, triển vọng và danh tiếng của BVBank.

#### **1. Rủi ro kinh tế**

##### **a. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sở ngân hàng và rủi ro lãi suất Sở kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sở ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó, rủi ro lãi suất Sở kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BVBank do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sở ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank có thể sẽ bị ảnh hưởng.

- Đối với rủi ro lãi suất Sở kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị mua vào của danh mục kinh doanh. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BVBank.
- Rủi ro lãi suất được BVBank đánh giá, đo lường và giám sát dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của BVBank, các nhận định về diễn biến, biến động lãi suất trên thị trường luôn đảm bảo tuân thủ giới hạn rủi ro của BVBank và các quyết định, định hướng của Ủy ban ALCO liên quan đến quản lý rủi ro lãi suất cũng như việc đưa ra các mức lãi suất phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.

#### **b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng (RRTD) là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với BVBank. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với BVBank trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Quản lý RRTD được thực hiện thông qua việc quản lý các chỉ tiêu đối với quản lý RRTD như sau: tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành nghề, lĩnh vực kinh tế dựa trên một số nguyên tắc quản lý RRTD

Ngân hàng đang từng bước triển khai áp dụng phù hợp các biện pháp giảm thiểu rủi ro, tối thiểu một trong các nội dung sau: chấp nhận một số loại TSBĐ cụ thể, thỏa thuận khách hàng bù trừ số dư nội bảng, chấp nhận bảo lãnh cấp tín dụng của bên thứ ba, ký hợp đồng phái sinh tín dụng, hợp đồng bảo hiểm tín dụng thẩm quyền phê duyệt chấp nhận các biện pháp giảm thiểu rủi ro trên áp dụng theo quy định trong từng thời kỳ.

Cùng với các văn bản phân tách rõ chức năng, nhiệm vụ giữa bộ phận thẩm định và phê duyệt quyết định tín dụng và tuyệt đối tuân thủ các hạn mức RRTD do BVBank ban hành trong từng thời kỳ.

Sử dụng các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn có uy tín là Moody's hoặc Standard & Poor hoặc Fitch Rating và các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập theo quy định của pháp luật Việt Nam để xác định mức độ rủi ro của khách hàng, đối tác, khoản phải đòi khi tính tỷ lệ an toàn vốn.

#### **c. Rủi ro ngoại hối**

Rủi ro ngoại hối (hay rủi ro tiền tệ) là rủi ro biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi ngân hàng có trạng thái ngoại tệ. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Trong khi đó cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng bao gồm một phần bằng ngoại tệ (bao gồm USD, EUR và các ngoại tệ khác) do đó có thể phát sinh rủi ro tiền tệ.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ: BVBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/ thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

#### **d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVBank không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVBank đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/ truyền thống, BVBank đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVBank tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVBank luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### **e. Rủi ro hoạt động ngoại bảng**

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng ... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVBank đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVBank đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng

thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).

- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận quan hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa ...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

## **2. Rủi ro luật pháp**

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách “Đổi Mới” vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không rõ ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp và sự lệ thuộc của các luật này vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các Bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của BVBank và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của BVBank.

Để hạn chế rủi ro này, BVBank đã triển khai mạnh mẽ công tác pháp chế trên toàn hệ thống. Việc tham gia câu lạc bộ Pháp chế của Hiệp Hội Ngân hàng Nhà nước TPHCM đã tạo điều

kiện cho BVBank nắm trước được các quy định sắp ban hành, góp ý được các dự thảo quy định pháp luật chuẩn bị ban hành. Đồng thời, công tác điểm tin pháp luật được chú trọng, việc củng cố hệ thống văn bản pháp lý nội bộ luôn được thực hiện nhằm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng luôn phù hợp với quy định pháp luật.

### **3. Rủi ro ngành**

BVBank hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và BVBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

### **4. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BVBank còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố ... nếu xảy ra sẽ ít nhiều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức phát hành**

Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- Ông Lê Anh Tài Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ông Ngô Quang Trung Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Bà Phan Thị Hồng Lan Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
- Ông Lý Công Nha Chức vụ: Kế toán trưởng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

### **2. Tổ chức tư vấn**

Tổ chức tư vấn: Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

- Ông Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*(Theo giấy ủy quyền số 58.6/QĐ-ACBS.22 ngày 16/11/2022 của Chủ tịch HĐQT).*

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 07/HDDV.21 ngày 26/10/2021 với Ngân hàng TMCP Bản Việt (và các phụ lục đính kèm). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá, lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Ngân hàng TMCP Bản Việt cung cấp.

### **III. CÁC KHÁI NIỆM**

#### **1. Các khái niệm**

Các thuật ngữ và/hoặc các cụm từ viết hoa sử dụng, trình bày trong Bản cáo bạch này sẽ có ý nghĩa như sau:

- "Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.
- "Nợ quá hạn": là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
- "Trái Phiếu" có nghĩa là Trái phiếu do Ngân hàng TMCP Bản Việt chào bán ra công chúng năm 2021 - 2022 theo 5 đợt và được gọi chung là Trái Phiếu.

Mã Trái Phiếu sẽ được VSDC cấp theo quy định hiện hành sau khi BVBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký tập trung tại VSDC.

- "Ngày Phát Hành" có nghĩa là ngày kết thúc việc thu tiền chào bán Trái Phiếu theo công bố của Tổ chức phát hành.
- "Ngày Đáo Hạn" có nghĩa là ngày tròn 6 (sáu) năm kể từ Ngày Phát Hành.
- "Kỳ Tính Lãi" có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 01 (một) năm một lần kể từ Ngày Phát Hành.
- "Ngày Thanh Toán Lãi" có nghĩa là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi kết thúc Kỳ Hạn Trái Phiếu.
- "Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại" có nghĩa là từ ngày tròn 15 (mười lăm) tháng kể từ ngày phát hành. Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với điều kiện, điều khoản trái phiếu.
- "Ngày đăng ký cuối cùng" hoặc "Ngày chốt danh sách" có nghĩa là ngày làm việc theo thông báo của VSDC để thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu theo quy định tại Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán do VSDC ban hành.
- "Người Sở Hữu Trái Phiếu" hoặc "Nhà đầu tư" là người mua, hoặc nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, đã được đăng ký và có tên trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành quản

lý (trước khi Các Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC) hoặc trong danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC (sau khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC).

- “Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc các hình thức theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu trái phiếu.
- “Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu” là cuộc họp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó.
- “Văn Kiện Trái Phiếu” có nghĩa là bất cứ tài liệu nào, bao gồm: Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan đến việc phát hành.
- Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

Ngoài ra, một số từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng (và Luật sửa đổi, bổ sung) và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan (nếu có).

## **2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt**


- |                        |                                      |
|------------------------|--------------------------------------|
| • UBCKNN               | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.         |
| • Ngân hàng, BVBank    | Ngân hàng TMCP Bản Việt.             |
| • ĐHĐCĐ                | Đại hội đồng cổ đông.                |
| • HDQT                 | Hội đồng Quản trị.                   |
| • BGD                  | Ban giám đốc.                        |
| • BKS                  | Ban Kiểm soát.                       |
| • HĐKD                 | Hoạt động kinh doanh.                |
| • Điều lệ              | Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt. |
| • Tổ chức phát hành    | Ngân hàng TMCP Bản Việt.             |
| • Tổ chức tư vấn, ACBS | Công ty TNHH Chứng khoán ACB.        |
| • Đại lý phát hành     | Công ty TNHH Chứng khoán ACB.        |
| • NHNN                 | Ngân hàng Nhà nước.                  |
| • PGD                  | Phòng giao dịch.                     |
| • CN                   | Chi nhánh.                           |

- HS Hội sở.
- VSDC Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam  
(hay còn được gọi là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam).
- SGDCK Sở Giao dịch Chứng Khoán.
- BCTC Báo cáo tài chính.
- LNNT Lợi nhuận trước thuế.
- LNST Lợi nhuận sau thuế.



#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

##### **1. Thông tin chung về Tổ chức niêm yết**

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT.**
- Tên Tiếng Anh: **VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.**
- Tên viết tắt: **NGÂN HÀNG BẢN VIỆT.**
- Trụ sở: Tòa nhà HM Town số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, TP. HCM, Việt Nam.
- Điện thoại: (028) 62679679.
- Fax: (028) 62638668.
- Website: [www.vietcapitalbank.com.vn](http://www.vietcapitalbank.com.vn)
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023.
- Giấy phép hoạt động 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 08 năm 1992.
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.016.800.000.000 đồng (Năm nghìn, không trăm mười sáu tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Vốn điều lệ thực góp: 5.016.800.000.000 đồng (Năm nghìn, không trăm mười sáu tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn).
- Logo:   
**Ngân hàng Bản Việt**
- Người đại diện theo pháp luật : Ngô Quang Trung – Tổng Giám đốc.
- Mã cổ phiếu: BVB.
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM.
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi;
  - Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác;
  - Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng;

- Chiết khấu thương phiếu, Trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng;
- Mua, bán Trái phiếu Chính phủ; mua bán Trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN;
- Ủy thác, nhận ủy thác cho vay;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng khác và của doanh nghiệp;
- Hoạt động mua nợ;
- Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
  - ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán;
  - ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản:
  - ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước.
  - ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, Trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, Trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

## **2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là Ngân hàng Bản Việt), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp, với mức vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.

### **• Năm 1994 - 2005: Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố**

- ✓ BVBank từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994-2005.
- ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng từ tháng 08/2005.
- ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).

### **• Năm 2006: Bắt đầu phát triển**

- ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
- ✓ Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
- ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.

### **• Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng**

- ✓ Tháng 12/2007: tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.
- ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
- ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.

- ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
- ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu” lần 2 năm 2007.
- ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
- ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.
- **Năm 2008 -2009: Duy trì tăng trưởng ổn định**
  - ✓ Ngày 14/2/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 9/8/2007.
  - ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
  - ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).
- **Năm 2010: Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh**
  - ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVBank đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.
  - ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVBank đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVBank cũng đã thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.

- ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVBank cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVBank đã chuyển đổi thành công Trụ sở chính về Trung tâm Q.1, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.
- **Năm 2011: Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh**
  - ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý 3, và tiếp tục tăng vốn lên theo quy định của NHNN. Ngân hàng chú trọng công tác đầu tư, phát triển mạng lưới, tăng thêm 25-30 điểm giao dịch mới tại các thị trường tiềm năng trong cả nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 60 điểm năm 2011.
  - ✓ Bên cạnh đó, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, phấn đấu trở thành “Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng”, và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.
  - ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể cán bộ nhân viên, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trong năm tới nói riêng và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, thương hiệu BVBank sẽ được nâng lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
  - ✓ Ngày 13/12/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNN ngày 13/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- **Năm 2012 - 2013**
  - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch mới, gồm: 01 Trụ sở chính, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
  - ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.
  - ✓ Năm 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVBank. Diễn hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu

việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực tuyến mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard ...

- ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.

• **Năm 2014 - 2015**

- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch được di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.
- ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015.
- ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- ✓ Tiêu biểu:
  - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
  - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FircoSoft.

• **Năm 2016 – 2018**

Triển khai chiến lược hoạt động giai đoạn 2016 – 2020, trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hướng đến khách hàng Cá nhân và khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

- ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng.
- ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D.
- ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS).
- ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI- DSS (Payment Card Industry Data Security Standard).
- ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online.
- ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
- ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam.
- ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (Tính đến cuối năm 2018).

• **Năm 2019 - 2020**

- ✓ **Vốn điều lệ:** 3.171 tỷ đồng.
- ✓ Hợp tác với tổ chức phát hành thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo.
- ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC.
- ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus.
- ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II.
- ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVB) vào tháng 09/2020.
- ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC.
- ✓ **Hệ thống mạng lưới:** 87 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.

• **Năm 2021**

- ✓ **Vốn điều lệ:** 3.670,9 tỷ đồng.
- ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.
- ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
- ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều” – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này, Ngân hàng Bản Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.
- ✓ Bản Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 24/7 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
- ✓ **Hệ thống mạng lưới:** 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Trụ sở chính, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch.

• **Năm 2022 - 2023**

- ✓ Ngày 26/05/2023, Ngân hàng Nhà nước có quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023 về việc chấp thuận việc sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh quy định tại giấy phép hoạt động số 0025/NH-CP ngày 22/08/1992 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: BVBank
- ✓ Ngày 30/05/2023, Ngân hàng TMCP Bản Việt được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bổ sung một số nội dung hoạt động tại giấy phép hoạt động bởi quyết định số 1012/QĐ-NHNN như sau:
  - Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất.
  - Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
  - Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ.
  - Lưu ký chứng khoán.
  - Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
  - Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.Và Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đã cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.
- ✓ Ngày 19/06/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ ngày từ 3.371 tỷ đồng 5.017 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Hệ thống mạng lưới tại thời điểm hiện tại gồm 116 điểm giao dịch trên toàn quốc, trong đó gồm 01 trụ sở chính, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch.

**3. Quá trình tăng vốn điều lệ**

Năm 1992, Ngân hàng đi vào hoạt động với mức vốn điều lệ là 5 tỷ đồng và trải qua nhiều đợt tăng vốn như sau:

**Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bản Việt**

**ĐVT: triệu đồng**

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Tháng 8/1992		5.000	Vốn ban đầu	- Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
Tháng 12/1993	5.000	20.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ	- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày



Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
			đông trong nước	28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 8/2005	20.000	80.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	80.000	166.040	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	166.040	210.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 7/2007	210.000	322.618	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông trong nước	- Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2007	322.618	444.623	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN - Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN - Giấy ĐKKD số 059036, thay

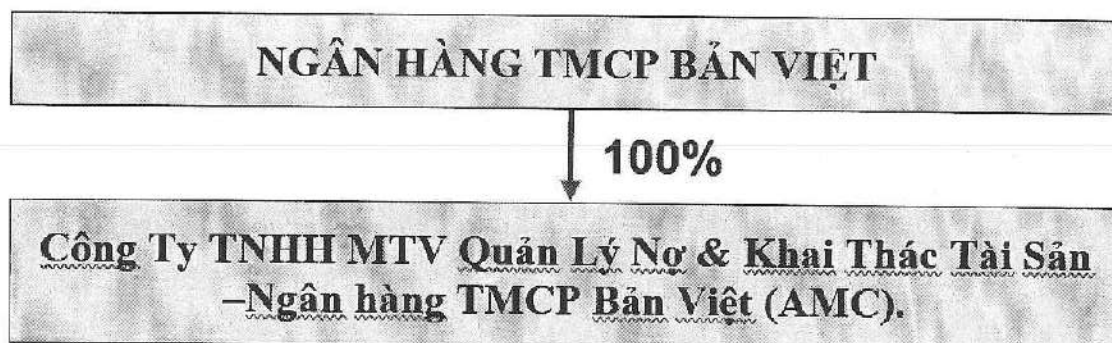
Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
				đổi lần thứ 10, ngày 25/12/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 2/2008	444.623	500.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 12/2008	500.000	1.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
				- Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN
Tháng 11/2010	1.000.000	2.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Tháng 8/2011	2.000.000	3.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 4/2019	3.000.000	3.171.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 5/2021	3.171.000	3.670.900	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho người lao động (ESOP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 và văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Tháng 5/2023	3.670.900	4.221.529	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 29, ngày 31/05/2023 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>
Tháng 6/2023	4.221.529	5.016.800	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN</li> <li>- Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 của UBCKNN</li> <li>- Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023 của Sở KHĐT TP. HCM</li> </ul>

**4. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành**

**4.1. Sơ đồ tổ chức, bộ máy hoạt động:**



**4.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của BVBank**

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó BVBank là Công ty mẹ và có một (01) Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt.

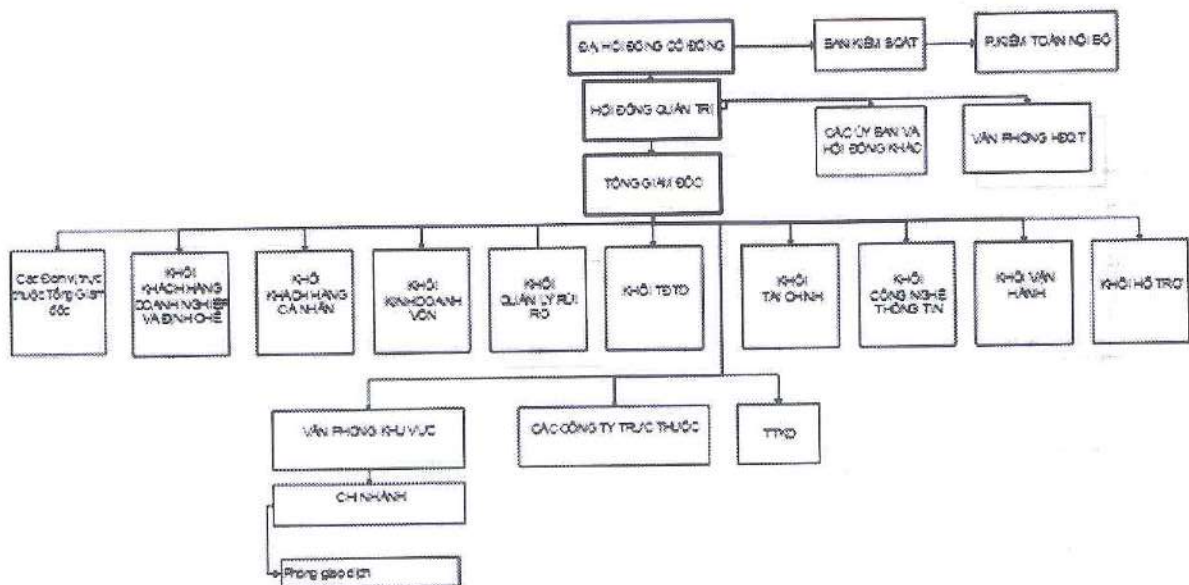
• **Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt**

- ✓ Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- ✓ 38 chi nhánh và 77 phòng giao dịch trên toàn quốc.

• **Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	0311401011	Quản lý tài sản	100

**5. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành**



**5.1. Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của BVBank. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ BVBank như: thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và

ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng, v.v. ....

### **5.2. Hội đồng quản trị**

Là cơ quan quản trị hoạt động của BVBank. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ BVBank và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ. HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch kinh doanh trình ĐHCĐ phê duyệt, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hiện tại HĐQT của BVBank có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

### **5.3. Văn phòng HĐQT**

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị BVBank, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động.

### **5.4. Ban Kiểm soát**

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVBank. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát BVBank trong từng thời kỳ. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại, BKS của BVBank có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên chuyên trách.

### **5.5. Phòng kiểm toán nội bộ**

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVBank.

### **5.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác**

Các Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

### **5.7. Ban Điều hành**

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban điều hành, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BVBank; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVBank như: quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền; v.v. ...

### **5.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định**

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của BVBank gồm có 05 thành viên.

### **5.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVBank**

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng đầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc.

#### **5.9.1 Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính**

##### **a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế**

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các Khách hàng pháp nhân, khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các khách hàng định chế nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

##### **b. Khối Khách hàng Cá nhân**

Là đầu mối quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, trừ khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng Pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho ngân hàng.

##### **c. Khối Kinh Doanh Vốn**

Đảm bảo để BVBank tuân thủ các hạn mức theo luật định về thanh khoản và quy định khác. Thay mặt ALCO quản lý khả năng thanh toán ngắn hạn và rủi ro lãi suất đối với mọi đồng tiền. Thực hiện kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận trong phạm vi các sản phẩm được giao và những hạn mức rủi ro được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu mối quản lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối đến các Đơn vị kinh doanh, khách hàng nhằm phát triển thị trường và gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.

Kinh doanh các loại giấy tờ có giá được phê duyệt nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho BVBank.

**d. Khối Quản lý Rủi ro**

Tham mưu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, rủi ro vận hành thị trường để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với lợi ích cao nhất.

Là đơn vị kiểm soát các Đơn vị trên toàn hệ thống việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

**e. Khối Thẩm định Tín dụng**

Đầu mối triển khai công tác thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng đến khách hàng theo quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ, thực hiện công tác phê duyệt hồ sơ Khách hàng vượt thẩm quyền phê duyệt của đơn vị kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của ngân hàng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến Khách hàng.

**f. Khối Tài chính**

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác kế toán cho toàn hệ thống trong quá trình xử lý các giao dịch.

Quản trị tài chính, quản lý tài sản nợ - tài sản có của BVBank, đề xuất cơ cấu tài sản nợ - tài sản có phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và bám sát kế hoạch, chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản trị điều hành tại BVBank.

**g. Khối Công nghệ Thông tin**

Đơn vị chịu trách nhiệm thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các dự án CNTT, giám sát và làm đầu mối triển khai các biện pháp tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT; ban hành và giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình do Khối CNTT soạn thảo và ban hành.

**h. Khối Vận hành**



Thực hiện tác nghiệp đối với các khoản cấp tín dụng. Ban hành quy định, quy trình quản lý tín dụng trên toàn hệ thống.

Thực hiện tác nghiệp các giao dịch kinh doanh của Khối Kinh doanh vốn và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình xử lý các giao dịch.

Tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ chuyên tiền, thanh toán đến khách hàng và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp.

**i. Khối Hỗ trợ**

Đầu mối tham mưu cho cấp có thẩm quyền về công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.

Thực hiện, cung cấp các dịch vụ hành chính bao gồm văn thư, lưu trữ, hành chính, lễ tân, khánh tiết. Mua sắm, quản lý tài sản cố định, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các vật liệu tiêu hao khác tới các phòng ban Hội Sở, Chi Nhánh, PGD trong hệ thống BVBank theo quy định của ngân hàng. Xây dựng cơ bản, mua sắm, thuê, cho thuê BĐS, thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng cơ bản, mua sắm bất động sản; Thực hiện các thủ tục pháp lý và báo cáo liên quan đến công tác phát triển mạng lưới của Ngân Hàng.

**j. Các Đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc**

Là các Phòng/Trung tâm trực thuộc Tổng Giám đốc bao gồm Phòng Quản lý dự án, Trung tâm Ngân hàng số, Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ và Phòng Truyền thông thương hiệu.

Chức năng, nhiệm vụ chính của từng Phòng/Trung tâm được thực hiện theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

**k. Trung tâm Kinh doanh**

Cơ cấu tổ chức bao gồm Phòng Quan hệ khách hàng cá nhân, Quan hệ khách hàng doanh nghiệp, Dịch vụ khách hàng và một số bộ phận nghiệp vụ khác theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Vị trí được đặt tại nơi đặt Trụ sở chính và sử dụng con dấu của BVBank.

Chức năng nhiệm vụ chính: hoạt động kinh doanh tương tự chi nhánh, phục vụ phân khúc khách hàng mục tiêu theo ủy quyền và định hướng của Hội sở bao gồm hoạt động tín dụng, tiền gửi và dịch vụ thanh toán.

**5.9.2 Các Chi nhánh/Phòng Giao dịch**

Tùy theo quy mô và đặc thù kinh doanh tại từng khu vực, địa phương, các Chi nhánh/Phòng Giao dịch có thể có các Phòng nghiệp vụ như sau: Phòng Quan hệ Khách hàng Cá nhân; Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp; Phòng Quan hệ Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs); Phòng Dịch vụ Khách hàng; Phòng Hành chính Ngân quỹ, v.v. ....

**5.9.3 Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết**

- a. Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản;
- b. Các Công ty trực thuộc/ Liên doanh Liên kết khác: không có.

**6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của BVBank; Danh sách cổ đông sáng lập của BVBank; Cơ cấu cổ đông**

**6.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần:**

Tại 30/09/2023, Ngân Hàng không có cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.

**6.2. Danh sách cổ đông sáng lập**

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

**6.3. Cơ cấu cổ đông**

Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 30/09/2023

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ
<b>Tổng số cổ phiếu phổ thông</b>	<b>10.317</b>	<b>501.680.000</b>	<b>5,016,800</b>	<b>100%</b>
Tổng cổ đông trong nước:	10.280	501.205.739	5,012,057	99,9055%
- Cổ đông là Tổ chức trong đó:	26	35.849.694	358,497	7,1459%
+ NHNN (Cổ đông Nhà Nước)	0	0	-	0%
+ Công đoàn của BVBank	1	877	9	0,0002%
+ Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	-	0%
+ Các tổ chức khác	25	35.848.817	358,488	7,1457%
- Cổ đông là Cá nhân	10.254	465.356.045	4,653,560	92,7595%
Tổng cổ đông nước ngoài:	37	474.261	4,743	0,0945%

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ
- Cổ đông là Tổ chức trong đó:	0	0	-	0%
+ Cổ đông chiến lược	0	0	-	0%
+ Các tổ chức khác	0	0	-	0%
- Cổ đông là Cá nhân	37	474.261	4,743	0,0945%

Nguồn: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)

## 7. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của BVBank

### 7.1. Danh sách những công ty mẹ của BVBank

Không có.

### 7.2. Danh sách công ty con của tổ chức phát hành

- Tên Công ty: Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt (AMC).
- Giấy CNDKKD số 0311401011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/12/2011.
- Vốn điều lệ đã đăng ký: 100 tỷ đồng.
- Vốn điều lệ thực góp: 100 tỷ đồng.
- Vốn góp của BVBank tại Công ty con: 100 tỷ đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của BVBank tại công ty con: 100%.
- Hoạt động kinh doanh chính:
  - Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
  - Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
  - Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
  - Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

### 7.3. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát

**hoặc cổ phần chi phối**

Không có.

**7.4. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

Không có.

**8. Hoạt động kinh doanh**

**8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh:**

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

**8.1.1 Sản phẩm và dịch vụ**

**8.1.1.1. Sản phẩm tiền gửi**

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, EUR.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, EUR.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.
- Sản phẩm tiền gửi bảo hiểm: là hình thức tiền gửi có kỳ hạn trả lãi trước áp dụng cho khách hàng cá nhân, theo đó khách hàng nhận lãi trước và dùng tiền lãi trước để thanh toán phí bảo hiểm nhân thọ.
- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn.

- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tất toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán.

#### **8.1.1.2 . Sản phẩm cho vay**

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.
- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ô tô (kinh doanh, đi lại ...).
- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ...).
- Cho vay đầu tư dự án.
- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho KH SMEs.
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Bao thanh toán ...

#### **8.1.1.3. Các sản phẩm dịch vụ khác**

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước.
- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ mặt, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, Thu thuế hải quan 24/7...
- Dịch vụ Thu chi hộ tiền mặt tận nơi, thanh toán hóa đơn....
- Dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế.

#### **8.1.2. Huy động vốn:**

- Cơ cấu huy động vốn ngày càng hợp lý hơn, hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm và chi phí linh hoạt, tối ưu. BVBank không ngừng tăng cường huy động vốn từ thị trường I (huy động vốn từ các Tổ chức và dân cư), đồng thời huy động vốn từ thị trường II ở mức hợp lý

**Nguồn vốn huy động 2021, 2022 và 30/09/2023 (Hợp nhất)**

ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN	-	-	1.486	2,04%	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.740	20,89%	11.219	15,44%	11.722	15,35%
Tiền gửi của khách hàng	45.245	64,12%	50.129	68,98%	53.866	70,53%
Phát hành giấy tờ có giá	10.577	14,99%	9.485	13,05%	10.419	13,64%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	353	0,49%	365	0,48%
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.562</b>	<b>100%</b>	<b>72.672</b>	<b>100%</b>	<b>76.372</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

- Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Chi tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Trong nước	70.562	100%	72.319	99,51%	76.007	99,52%
Ngoài nước	-	0%	353	0,49%	365	0,48%
<b>Tổng cộng</b>	<b>70.562</b>	<b>100%</b>	<b>72.672</b>	<b>100%</b>	<b>76.372</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVBank đã đưa ra nhiều chính sách cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn. BVBank đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư và các TCKT.

Huy động vốn của BVBank chủ yếu là huy động từ TCKT và dân cư, chiếm gần 80% tổng vốn huy động. Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVBank đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

### 8.1.3 Hoạt động tín dụng:

Trong những năm gần đây, thương hiệu và hình ảnh của BVBank đang dần được nhiều người biết đến, với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVBank cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

#### - Theo thời hạn:

#### Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	25.829	55,68%	31.326	61,59%	34.985	65,97%
Nợ trung hạn	5.730	12,35%	4.591	9,03%	4.596	8,67%
Nợ dài hạn	14.830	31,97%	14.942	29,38%	13.449	25,36%
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.389</b>	<b>100%</b>	<b>50.859</b>	<b>100%</b>	<b>53.030</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

Tổng dư nợ cho vay của BVBank tăng trưởng qua từng năm. Dư nợ năm 2022 tăng 9,64% so với năm 2021 chủ yếu ở hai mức nợ ngắn hạn và dài hạn tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng lần lượt là 21,28% và 0,76%. Tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng nhẹ tính đến Quý 3/2023, từ 61,59% lên 65,97%. Về cơ bản, cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn không có nhiều biến động đáng kể từ cuối năm 2022 đến nay.

#### - Theo nhóm nợ:

**Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	44.630	96,20%	48.214	94,80%	49.885	94,07%
Nợ cần chú ý	583	1,30%	1.226	2,41%	1.258	2,37%
Nợ dưới tiêu chuẩn	166	0,40%	149	0,29%	262	0,49%
Nợ nghi ngờ	186	0,40%	408	0,80%	543	1,02%
Nợ có khả năng mất vốn	824	1,80%	862	1,70%	1.082	2,05%
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.389</b>	<b>100%</b>	<b>50.859</b>	<b>100%</b>	<b>53.030</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

**- Tình hình hoạt động tín dụng**

Trong giai đoạn vừa qua, với các sản phẩm tín dụng đa dạng, nhiều chương trình ưu đãi lãi suất phù hợp với từng đối tượng vay, dịch vụ tín dụng được nâng cao, mạng lưới mở rộng đã đưa BVBank tiếp cận gần đến với khách hàng đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Dư nợ cho vay từ năm 2019 đến năm 2021 tăng trưởng khá tốt (hơn 16%), năm 2022 do ảnh hưởng hậu quả dịch bệnh kéo theo nền kinh tế chung của thị trường khó khăn, nên tăng trưởng có phần chững lại nhưng vẫn xấp xỉ 10%. Tính đến 30/09/2023 dư nợ cho vay của BVBank là 53.030 tỷ đồng.

Chất lượng tín dụng luôn được BVBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng trong kết quả kinh doanh chung của ngân hàng.

**Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động**

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Tổng dư nợ cho vay	46.389	50.859	53.030
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	10,86%	13,15%	12,34%
Tỷ lệ nợ quá hạn	3,79%	5,20%	5,93%
Tỷ lệ nợ xấu (tính theo TT11)	2,11%	2,41%	3,56%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	77,30%	74,14%	69,44%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	22,10%	16,58%	16,57%

(Nguồn: Ngân hàng Bản Việt)



#### **8.1.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế**

BVBank đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVBank. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự... đến nay, BVBank đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

##### **Doanh số kinh doanh ngoại tệ**

*Đơn vị: triệu USD*

<b>Kinh doanh ngoại tệ</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>09 tháng đầu năm 2023</b>
Mua	18.449	21.871	17.909
Bán	18.505	21.778	17.794

*(Nguồn: Ngân hàng Bản Việt)*

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVBank duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet ... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVBank đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVBank cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

#### **8.1.5 Hoạt động ngân hàng đại lý**

Hiện tại, BVBank đã thiết lập mối quan hệ thanh toán quốc tế với các Ngân hàng đại lý tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc ... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, BVBank thường xuyên phấn đấu đổi mới, tiếp tục tăng cường quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

#### **8.1.6 Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước**

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVBank. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVBank cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVBank, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

### 8.1.7 Hoạt động đầu tư tài chính

Để đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVBank đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

#### Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Trái phiếu chính phủ	7.426	8.954	7.844
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	1.598	2.190	249
Trái phiếu do TCKT trong nước phát hành	20	-	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	8	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.051</b>	<b>11.144</b>	<b>8.093</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

### 8.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn:

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVBank đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVBank chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVBank đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; thành lập các phòng quản lý rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành & Thị trường, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm

của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ;

- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền ...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc, việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro;
- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- Ban điều hành BVBank luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề nảy sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Từ năm 2018 đến nay, BVBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng.

- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu ...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh;
- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVBank được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVBank cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng.
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

### **8.3. Thị trường hoạt động:**

#### **8.3.1 Mạng lưới chi nhánh:**

- Mạng lưới hoạt động của BVBank hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch tại các tỉnh thành phố trong cả nước. BVBank đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVBank luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVBank nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

#### **8.3.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng:**

- Địa bàn hoạt động chính của BVBank hiện tại tập trung các trung tâm tài chính tại các tỉnh, thành phố lớn có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của BVBank là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.

- Sau hơn 30 năm hoạt động, BVBank đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVBank còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- BVBank kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước, nhằm định hướng phát triển BVBank trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

### 8.3.3 Thị phần và khả năng cạnh tranh:

Thị phần của BVBank so với toàn ngành chiếm khoảng 0,43% dư nợ cho vay và chiếm 0,42% tiền gửi của khách hàng. Trong xu thế hội nhập với mức độ cạnh tranh cao, BVBank luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến các giải pháp công nghệ theo hướng hiện đại nhằm mang lại nhiều lựa chọn và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ, từ đó từng bước tăng cường khả năng cạnh tranh.

#### Thị phần của BVBank so với toàn ngành ngày tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
BVBank	79.067	50.859	50.129
Thị phần BVBank so với toàn ngành	0,43%	0,43%	0,42%

Nguồn: tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước

### 8.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

#### 8.4.1 Mạng khách hàng cá nhân

##### - Thẻ tín dụng

Trung tâm thẻ đang thực hiện dự án triển khai hệ thống thẻ với các sản phẩm thẻ thanh toán mới, phát triển thêm kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế MasterCard và JCB, mở rộng hợp tác với các công ty cung cấp dịch vụ để tăng cường các tiện ích sử dụng kết hợp với thẻ nhằm mang lại cho khách hàng trải nghiệm khác biệt về sản phẩm thẻ.

##### - Sản phẩm, dịch vụ khác dành cho Khách hàng cá nhân

Mục tiêu chính trong năm 2023 của Khối KHCN là tăng trưởng Huy động và Tín dụng theo chiến lược bán lẻ hướng vào đối tượng khách hàng chính là nhóm Hộ Kinh Doanh, nhóm cho vay tín chấp và nhóm khách hàng mua nhà ở. Để làm được điều trên, Khối KHCN đã và đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ kết hợp với các công cụ, phương thức bán hàng chuyên nghiệp, diễn hình như sau:

- ✓ Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng hướng vào đối tượng khách hàng tiền gửi không và có kỳ hạn; khách hàng vay nhỏ lẻ, tiêu dùng, hộ kinh doanh và tín chấp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- ✓ Về sản phẩm: phát triển theo hướng đa dạng hoá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu, dịch vụ theo từng phân nhóm khách hàng và đặc thù địa phương.
- ✓ Về kênh phân phối: đơn giản hoá quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm, đẩy mạnh các kênh phân phối trực tuyến nhằm nâng cao sự tiện lợi và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ.

#### **8.4.2 Mạng khách hàng doanh nghiệp**

- Khối KHCN thực hiện chiến lược phát triển khách hàng phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Phân khúc này phù hợp với năng lực phục vụ của BVBank đồng thời cũng là phân khúc mang lại sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.
- Chủ động nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm chương trình cho vay với lãi suất hợp lý kết hợp với việc đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.
- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng đặc biệt trú trọng vào phân khúc khách hàng SME.
- Về sản phẩm: thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm theo hướng đáp ứng linh hoạt nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh của khách hàng SME, đồng thời đa dạng hoá về dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thanh toán và bảo lãnh nhằm cung cấp trọn gói sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phối hợp với các đơn vị kinh doanh triển khai xây dựng các sản phẩm đặc thù riêng, phù hợp cho từng địa phương.
- Về kênh phân phối: Tinh giản hoá thủ tục, hồ sơ khách hàng giao dịch bên cạnh phát triển ngân hàng số (Internet Banking, Mobile Banking...) và hỗ trợ ứng dụng Công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và sự hài lòng cho khách hàng.
  - ✓ Dự án Mobile Banking, Internet Banking KHCN;
  - ✓ Dự án Website SME;
  - ✓ Dự án FINNONE SME (Khởi tạo và phê duyệt Online dành cho KHCN);

✓ Dự án CRM (Quản lý khách hàng)

## 9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

9.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về HĐKD của BVBank trong 2 năm gần nhất và quý gần nhất

### Kết quả kinh doanh hợp nhất

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Giá trị tăng/giảm 2022 với 2021	% tăng/giảm 2022/2021	9 tháng đầu năm 2023
Tổng tài sản	76.511	79.067	2.556	3,34%	84.287
Vốn chủ sở hữu	4.639	5.003	364	7,85%	5.882
Thu nhập lãi thuần	1.435	1.714	279	19,44%	1.051
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	71	100	29	40,85%	55
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	33	43	10	30,30%	21
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	142	-5	-147		84
Lãi thuần từ hoạt động khác	52	65	13	25%	31
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	292	0	-292		-
Chi phí hoạt động	1.051	1.237	186	17,70%	1.039
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	682	680	-2		203
Chi phí DPRR tín dụng	370	224	-146		141
LNTT	311	456	145	46,62%	61
LNST	249	364	115	46,18%	48
ROE	5,36%	7,28%		1,92%	0,82%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

### Kết quả kinh doanh công ty mẹ

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Giá trị tăng/giảm 2022 so với 2021	% tăng/giảm 2022/2021	9 tháng đầu năm 2023
Tổng tài sản	76.612	79.169	2.557	3,34%	84.387
Vốn chủ sở hữu	4.606	4.969	363	7,88%	5.848
Thu nhập lãi thuần	1.433	1.712	279	19,47%	1.048
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	71	100	29	40,84%	55
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	33	43	10	30,30%	21
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	142	-5	-146		84
Lãi thuần từ hoạt động khác	51	64	13	25,49%	31
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	1	1	0	0%	-
Chi phí hoạt động	1.050	1.236	186	17,71%	1.038
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	682	680	-2		201
Chi phí DPRR tín dụng	370	224	-146		141
LNTT	311	455	144	46,30%	60
LNST	249	364	115	46,18%	48
ROE	5,40%	7,32%		1,92%	0,82%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng Lê năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

## 9.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của BVBank trong năm báo cáo:

Làn sóng Covid-19 lần 4 bùng phát mạnh trong năm 2021, khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân càng gặp nhiều khó khăn, tác động làm tình hình kinh tế vĩ mô có phần diễn biến phức tạp trong năm 2021 và các tháng đầu năm 2022, bên cạnh đó, những chính sách của NHNN cũng như những yếu tố cạnh tranh đã tác động đến hệ thống ngân hàng nói chung và BVBank nói riêng.

Đầu năm 2022, NHNN ra chỉ thị 01 thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng với các mục tiêu và nhiệm vụ tổng quát:



- ✓ Quyết liệt triển khai đề án tái cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025.
- ✓ Thực hiện các giải pháp nhằm kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng hợp lý, hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.
- ✓ Triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh.
- ✓ Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán và chuyển đổi số.

NHNN ra chỉ thị 02 về việc đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục áp dụng các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Thông tư 01 (được sửa đổi bởi thông tư 03 và 14).

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về yếu tố cạnh tranh, chính sách vĩ mô và biến động thị trường nhưng BVBank luôn tuân thủ đúng quy định của NHNN và duy trì tốc độ phát triển hàng năm. Để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới thì BVBank vẫn đang trong tiến trình củng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tại nghị quyết 97/NQ-CP năm 2023, nghị quyết 105/NQ-CP năm 2023, theo tinh thần công văn số 6385/NHNN-CSTT ngày 14/08/2023 về việc giảm lãi cho vay từ 1,5% đến 2,0% để hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn, BVBank đã triển khai các chính sách hỗ trợ, chương trình ưu đãi như ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, v.v. ..., qua đó giúp khách hàng doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

## **10. Vị thế của BVBank so với các ngân hàng khác trong ngành:**

### **10.1 Vị thế của BVBank trong ngành**

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành phát triển, BVBank đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận, bên cạnh đó BVBank cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVBank là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm

trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ-công nhân viên của BVBank trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.

- Hệ thống công nghệ thông tin: BVBank luôn chú trọng đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVBank tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Hiện tại BVBank đã đưa vào sử dụng hệ thống thông tin cung cấp số liệu một cách chính xác và kịp thời đến từng cấp quản lý, phục vụ nhu cầu truy vấn số liệu trong nội bộ ngân hàng. Ngoài ra, BVBank đã triển khai hoạt động ngân hàng số Digimi cùng nhiều dự án nâng cấp hệ thống dữ liệu và công nghệ như: giải pháp xây dựng và nâng cấp hệ thống tính toán lợi nhuận đa chiều và lợi nhuận điều chỉnh rủi ro về vốn, website mới vietcapitalbank.com.vn, hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới CRM.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVBank đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVBank đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVBank cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVBank đối với ngân hàng khác.

Trong quá trình phát triển BVBank vẫn đang thực hiện củng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng ...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm tài chính 2022 và tính đến Quý 3/2023, hoạt động của BVBank đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, như sau:

- BVBank trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định.
- Thu nhập lãi thuần và lợi nhuận trước thuế hợp nhất của BVBank trong 9 tháng đầu năm 2023 lần lượt đạt mức 1,049 tỷ đồng và 61 tỷ đồng.
- Trong các giai đoạn hoạt động, BVBank luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức trên 10%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.

- Trong giai đoạn sắp tới, BVBank tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.

## **10.2 Triển vọng phát triển ngành**

Trong Quý 3/2023, GDP tăng 5,33% so với cùng kỳ năm trước, bình quân 9 tháng đầu năm 2023, GDP tăng trưởng 4,24% so với cùng kỳ, dự báo sẽ khó đạt mức tăng trưởng mục tiêu 6,5% của cả năm. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho bức tranh kinh tế đang chịu nhiều áp lực từ quốc tế và trong nước. Tuy nhiên với nội tại liên tục được cải thiện theo thời gian, ngành ngân hàng vẫn cho thấy triển vọng ổn định. Phần lớn các ngân hàng cho rằng vào nửa còn lại của năm, toàn ngành sẽ ở trạng thái ổn định, duy trì tốc độ tăng trưởng (+44,2% và +42,0% so với kết quả khảo sát năm 2022 và 2021).

**Tăng trưởng tín dụng chậm lại:** Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước, đến cuối tháng 9/2023, dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế đạt 12,75 triệu tỷ đồng, tăng trưởng tín dụng 6,96% so với năm 2022 thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng tín dụng hệ thống 11% so với đầu năm vào cuối Quý 3/2022 và so với định hướng điều hành cả năm 2023 (14-15%), nhưng đã tăng đáng kể từ mức 4,48% vào cuối tháng 8/2023. Nguyên nhân do chịu tác động từ nhu cầu sụt giảm trên toàn cầu dẫn tới thiếu hụt đơn hàng, suy giảm nhu cầu vốn cho sản xuất.

**Lãi suất hạ nhiệt:** Sau các động thái điều chỉnh giảm lãi suất điều hành của NHNN, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn trung bình toàn hệ thống đến cuối tháng 9/2023 ở mức mức 5,3-5,5%/năm. Đại diện các ngân hàng nhận định lãi suất tiền gửi đã chạm mức đáy do thanh khoản hệ thống dư thừa trong bối cảnh nhu cầu tín dụng yếu. Đồng thời việc Ngân hàng Nhà nước giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn từ 34% xuống 30%, và áp lực lạm phát, tỷ giá cuối năm có thể cản trở đà giảm lãi suất, dự báo lãi suất cho vay sẽ tiếp tục giảm 0,25%/năm trong quý cuối năm 2023, giảm 1,75-2,25%/năm so với đầu năm.

**Trạng thái dư thừa thanh khoản tăng lên:** Mặt bằng lãi suất huy động giảm đã phản ánh lượng vốn trong hệ thống ngân hàng vẫn khá dư thừa. Dù lãi suất huy động trong tình trạng giảm liên tục từ đầu năm và hiện tại đã về mức khá thấp, lượng tiền gửi khách hàng ghi nhận được tại các ngân hàng vẫn tăng trưởng, tổng lượng tiền gửi khách hàng tại 28 ngân hàng, tính đến 30/09/2023, là gần 9.3 triệu tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm.

Tín dụng tăng trưởng chậm hơn huy động, dẫn đến tỷ lệ tối đa dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) sụt giảm. Tính đến cuối quý 3, có đến 18/28 ngân hàng có tỷ lệ LDR giảm so với đầu năm. Số liệu từ NHNN cho thấy, tính đến tháng 9/2023, tỷ lệ LDR của toàn hệ thống là 76.67%. Con số này còn thấp khá xa so với trần tối đa là 85%. LDR ở khối ngân hàng thương mại Nhà nước là 82.23%; ở khối ngân hàng thương mại cổ phần là 78%; ở khối ngân hàng liên doanh, nước ngoài là 42.5%.

**Tỷ lệ CASA toàn ngành cải thiện:** Về thu hút tiền gửi không kỳ hạn (CASA), toàn hệ thống ngân hàng sau khi ghi nhận tỷ lệ CASA giảm mạnh xuống 17.6% vào quý I/2023 đã tăng trở lại trong quý II lên 18.1%. Nhìn chung, tỷ lệ CASA đang có sự phân hóa rất lớn giữa các ngân hàng. Trong khi những ngân hàng lớn có lượng khách hàng cá nhân dồi dào có tỷ lệ CASA trên 20% thì những ngân hàng nhỏ có tỷ lệ CASA dưới 5%. Giới phân tích tài chính cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, đầu tư vào chứng khoán có thể gặp nhiều rủi ro; các kênh đầu tư khác như vàng, bất động sản vẫn còn bấp bênh, chưa có điểm sáng. Vì vậy, dòng tiền vẫn đang nằm trong ngân hàng để chờ đợi, tìm kiếm cơ hội đầu tư. Đây chính là cơ hội cho các nhà băng tăng tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA), tối ưu hóa dòng vốn, giảm chi phí trong các tháng còn lại của năm 2023.

**Kỳ vọng NIM sẽ cải thiện:** Với đà giảm mạnh của lãi suất tiết kiệm kể từ giữa năm 2023, giúp các ngân hàng giảm bớt chi phí huy động vốn, trong khi lãi suất cho vay có tốc độ giảm chậm hơn, nên biên lãi ròng được nhiều ý kiến nhìn nhận đã tạo đáy trong quý III, kỳ vọng sẽ được cải thiện trong quý IV tuy nhiên chưa thể về mức nền cao của năm 2022. Thống kê báo cáo tài chính quý III/2023 của 25/29 ngân hàng niêm yết cho thấy, tổng NIM của 25 ngân hàng giảm 0,47% so với cùng kỳ, xuống 3,32%; trong đó, 22/25 ngân hàng có NIM giảm.

Nhận định cho Quý IV cuối năm và năm 2024, các chuyên gia cho rằng NIM của toàn ngành sẽ có khả năng phục hồi nhờ nhu cầu tín dụng quay trở lại cùng với sự tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên sẽ có sự phân hoá, các ngân hàng sở hữu tỷ trọng cho vay cá nhân cao và tỷ lệ huy động bằng đồng USD thấp sẽ có cơ hội cải thiện NIM tốt hơn so với các NH khác.

**Thu nhập ngoài lãi sụt giảm nhưng đang có dấu hiệu cải thiện:** Thu nhập ngoài lãi cho thấy sự sụt giảm hầu hết ở các hoạt động chính. Nguồn thu từ dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập ngoài lãi của ngân hàng, nhưng trong 9 tháng đầu năm cũng sụt giảm nhẹ 1%, chỉ còn thu được 45,171 tỷ đồng tại 28 ngân hàng. Trong quý I/2023, thu nhập ngoài lãi chiếm trung bình 20% trong cơ cấu thu nhập của các ngân hàng, giảm 21,7% so với cùng kỳ khi các hoạt động dịch vụ, đầu tư chứng khoán, thu hồi nợ xấu ngoại bảng đều gặp khó khăn. Sang đến quý II/2023, thu nhập thuần ngoài lãi đã tăng 2,6% so với cùng kỳ, chiếm 23,6% tổng thu nhập hoạt động. Với các ngân hàng tư nhân, thu nhập ngoài lãi ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu thu nhập của ngân hàng. Hai nhân tố đóng góp chính vào mức tăng trưởng này trong 9 tháng đầu năm chính là doanh thu bancassurance và phí dịch vụ thẻ do sụt giảm từ các nguồn thu khác như sụt giảm nguồn thu từ thị trường trái phiếu.

Để gia tăng thu nhập ngoài lãi, các chuyên gia cho rằng xu hướng toàn ngành là tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường hiệu quả quản trị, tiết giảm chi phí hoạt động để duy trì lợi nhuận và có dư địa giảm tiếp lãi suất.

**Nợ xấu và nợ tiềm ẩn rủi ro tiếp tục tăng:** Về chất lượng tài sản, nợ xấu và nợ tiềm ẩn rủi ro tiếp tục tăng. Dự kiến tỷ lệ nợ xấu nội bảng có khả năng tăng cao. Tỷ lệ nợ ngoại bảng

VAMC ở mức 1,1%. Dù vậy, chi phí tín dụng cũng tăng chậm lại khi các ngân hàng tích cực trích lập trước thời hạn cho các khoản nợ xấu tiềm tàng trong các quý trước.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng và mức trích lập dự phòng dự kiến sẽ chưa tăng đột biến trong năm 2023 nhờ Nghị định 08 hỗ trợ gia hạn trái phiếu doanh nghiệp và Thông tư 02 cho phép tái cơ cấu các khoản vay. Tuy nhiên, hoạt động xử lý nợ xấu tiếp tục gặp khó khăn do thị trường bất động sản đóng băng và bất động sản là tài sản bảo đảm chính cho phần lớn các khoản vay.

Các chuyên gia dự báo, rủi ro nợ xấu có thể tăng trở lại trong năm 2024 và có sự phân hóa, cụ thể: Nhóm ngân hàng chất lượng tài sản tốt sẽ ghi nhận nợ xấu và nợ tái cơ cấu kiểm soát ở mức vừa phải; nhóm ngân hàng có tỷ trọng cho vay bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp cao và có tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp có thể sẽ phải đối mặt với rủi ro nợ xấu và áp lực trích lập tăng cao trong năm 2024.

### **Lợi nhuận giảm tốc**

Với những đánh giá nêu trên, các chuyên gia dự báo lợi nhuận trước thuế toàn ngành Ngân hàng giảm tốc trong năm 2023 với tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 10%, trong đó có sự phân hóa về triển vọng lợi nhuận giữa các nhóm ngân hàng.

Ngoài ra, lợi nhuận tiếp tục có sự phân hóa mạnh trong 2024, một số ngân hàng thuộc nhóm quy mô nhỏ sẽ tiếp tục giảm tốc, thậm chí tăng trưởng âm trong năm 2024 trong trường hợp thị trường bất động sản và tình hình vĩ mô trên thế giới tiếp tục xấu đi khiến tín dụng chậm lại và khả năng trả nợ của khách hàng khó hồi phục, đồng thời với việc các thông tư và chính sách hỗ trợ hết hiệu lực.

### **10.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành (tại 30/09/2023):**

**So sánh một số chỉ tiêu tài chính riêng lẻ tại thời điểm 30/09/2023 của BVBank với một số ngân hàng**

*Dvt: Tỷ đồng*

<b>Tiêu chí/Mã cổ phiếu niêm yết của các Ngân hàng</b>	<b>BVBank</b>	<b>NCB</b>	<b>Vietbank</b>	<b>PGBank</b>
Vốn điều lệ	5.017	5.602	4.777	3.000
VCSH	5.848	5.520	6.577	4.873
Tổng tài sản	84.387	91.604	125.081	47.833
Tiền gửi khách hàng	54.001	75.396	85.851	34.098
Cho vay khách hàng	52.243	51.112	71.241	30.485
Tổng thu nhập hoạt động	1.239	712	1.543	1.058
LNTT	60	(204)	418	306

*(Nguồn: BCTC riêng lẻ Quý 3 năm 2023 của các ngân hàng)*

#### **10.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đang chịu nhiều tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì BVBank với định hướng chiến lược tăng trưởng bền vững thông qua việc đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao quản trị tài chính và chất lượng nợ đã đem lại nhiều kết quả tốt.

**Đổi mới mô hình tăng trưởng:** từ dựa vào lợi thế quy mô là chính, đến nay BVBank đã có bước chuyển mình để tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng hợp lý và ưu tiên tăng trưởng mạng khách hàng bán lẻ và SME.

**Thay đổi phương thức kinh doanh:** BVBank đã chuyển sang phát triển và ứng dụng giải pháp ngân hàng tài chính tổng thể cho khách hàng nhóm khách hàng, phát triển mạnh theo chuỗi liên kết thay vì cung ứng đơn lẻ sản phẩm dịch vụ ngân hàng như trước kia.

**Quản trị chi phí hiệu quả:** Hoạt động quản trị tài chính của Ngân hàng được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và có hiệu quả hơn.

**Quản lý tốt chất trọng tài sản:** Trong thời gian qua, BVBank đã tăng cường công tác dự báo và nhận diện sớm rủi ro. Đối với những tài sản có rủi ro, Ngân hàng nhanh chóng đưa ra những phương án để tập trung quản trị đạt hiệu quả tối đa.

**Kiến toàn mô hình cơ cấu tổ chức:** Bộ máy tổ chức được cơ cấu tinh gọn, tăng cường chuyên môn hóa và đẩy mạnh phối hợp hiệu quả trong mạng lưới.

### **11. Chính sách đối với người lao động**

**11.1 Số lượng người lao động:** Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số CBNV của Ngân hàng là 1.840 người và đến 31/12/2021 là 2.077 người, đến 31/12/2022 là 2.526 người, tại ngày 30/09/2023 là 2.567 là người

#### **11.2 Chính sách đào tạo, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ, đãi ngộ khen thưởng, tuyển dụng**

##### **❖ Chính sách đào tạo**

BVBank luôn đề cao tầm quan trọng của công tác phát triển nguồn nhân lực đối với sự phát triển bền vững của hệ thống. Đào tạo được đưa vào danh mục quyền lợi đối với tất cả cán bộ trong toàn hệ thống. Cán bộ được đào tạo thường xuyên kết hợp bởi các hình thức: Đào tạo tập trung, đào tạo tại đơn vị, đào tạo gắn liền với kèm cặp trong công việc (On job training...

giúp thuận tiện cho học viên trong công tác bố trí tham gia đào tạo cũng như thực hiện công tác chuyên môn. Nội dung khóa học phong phú, bám sát với nhu cầu đào tạo của các đơn vị nghiệp vụ và có tính ứng dụng cao trong công việc: Chương trình kỹ năng Lãnh đạo cấp trung vị trí TP/PPTSC, GD/PGD chi nhánh, TP/PP CN các chương trình đào tạo bắt buộc dành cho cán bộ mới, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nghiệp vụ theo khung năng lực của từng vị trí công việc. Hiệu quả đào tạo được đo lường cụ thể thông qua thực hiện các cam kết ứng dụng và xây dựng kế hoạch hành động sau đào tạo. Mức độ hài lòng đối với chất lượng khóa học của học viên trung bình trong năm đạt 95%.

❖ Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ giá cán bộ

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công việc đối với cán bộ BVBank được triển khai theo hướng hiệu quả, thiết thực, BVBank chủ động nhận diện sớm cán bộ tiềm năng, tập trung phát triển nguồn lực và giữ chân nhân tài, chủ động xây dựng nguồn Lãnh đạo kế cận đối với các vị trí chủ chốt, nhận diện và bố trí nhân sự có năng lực đáp ứng yêu cầu theo vị trí công việc.

❖ Chính sách đánh giá cán bộ

Đánh giá cán bộ là cơ sở để đào tạo, phát triển, quy hoạch, bố trí sắp xếp nhân sự và chi trả lương thưởng, đãi ngộ xứng đáng với đóng góp của CBNV đối với Ngân hàng. Áp dụng hệ thống KPI trong đánh giá hiệu quả công việc, BVBank luôn chú trọng cải tiến công tác đánh giá hiệu quả công việc. Dữ liệu đo lường KPI được tự động hóa từng bước, giảm thiểu tác nghiệp thủ công và sai sót dữ liệu. Cùng với kết quả đánh giá KPI, BVBank đã triển khai đánh giá năng lực của cán bộ nhằm bổ sung tính rõ ràng/minh bạch trong đánh giá, xếp loại cán bộ; bộ chỉ tiêu đánh giá năng lực đã đem lại hiệu quả trong định hướng hành vi năng lực của cán bộ để phấn đấu tới các cấp bậc cao hơn trong lộ trình công việc.

❖ Chính sách đãi ngộ, khen thưởng

BVBank đã ban hành quy định Chế độ đãi ngộ phúc lợi tổng nhằm thể hiện sự quan tâm và ghi nhận những đóng góp của người lao động trong hệ thống BVBank. Bên cạnh các chế độ đãi ngộ tổng thể, BVBank còn xây dựng các chế độ đãi ngộ vượt trội dành cho cán bộ đạt thành tích cao, cán bộ nhân tài và các cán bộ đảm nhiệm các vị trí chủ chốt nhằm ghi nhận sự đóng góp với các cán bộ có năng lực, thành tích cao, tạo động lực phấn đấu cho cán bộ, tăng sự gắn kết và giữ chân nhân tài.

❖ Chính sách tuyển dụng

BVBank tổ chức công tác tuyển dụng công khai trên diện rộng nhằm lựa chọn các ứng viên được đào tạo bài bản, có năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu công việc. Định kỳ hằng năm, Trụ sở chính BVBank chủ động triển khai hoạt động tuyển dụng về nguồn lực cho các đơn vị thông qua: (i) Kiểm soát chỉ tiêu tuyển dụng theo định biên đối với từng đơn vị, tập trung tuyển dụng cho các bộ phận trọng yếu; (ii) Sắp xếp bố trí lại nhân sự giữa các đơn vị thừa,

thiếu phù hợp; (iii) Thúc đẩy nhanh, liên tục quy trình tuyển dụng Chi nhánh nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự cho các hoạt động kinh doanh.

## 12. Tình hình hoạt động tài chính

### 12.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

- **Tình hình công nợ:**

#### Tình hình công nợ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
- Tổng giá trị tài sản có	76.511	79.067	84.287
- Tổng nợ phải trả	71.872	74.065	78.405

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

#### Tình hình công nợ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
- Tổng giá trị tài sản có	76.612	79.169	84.387
- Tổng nợ phải trả	72.006	74.199	78.539

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

- **Trái phiếu chưa đáo hạn**

#### Trái phiếu chưa đáo hạn tại ngày 30/09/2023

Đơn vị: tỷ đồng

Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
BVBLH2124005	1.000,00	6,0%	3 năm	17/12/2021	Định kỳ 12 tháng
BVBL2229007	60,00	8,6%	7 năm	05/08/2022	Định kỳ 12 tháng
BVBL2229008	100,00	8,7%	7 năm	30/08/2022	Định kỳ 12 tháng
BVBL2229009	100,00	8,6%	7 năm	31/08/2022	Định kỳ 12 tháng
BVB122028	967,74	8,6%	7 năm	26/08/2022	Định kỳ 12 tháng
BVB123025	384,38	9,0%	6 năm	22/08/2023	Định kỳ 12 tháng

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

**Ghi chú (\*):** Mã trái phiếu BVBL2229008 sẽ được BVBank thực hiện quyền mua lại vào các ngày tương ứng vào ngày 30/11/2023. BVBank đã công bố thông tin trước và sau khi thực hiện việc mua lại trái phiếu theo đúng các quy định hiện hành.

- **Các khoản phải nộp theo luật định**

#### Các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)



Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng đầu năm 2023
1	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14,75)	6,70	4,59
2	- Thuế giá trị gia tăng	1,44	1,37	1,93
3	- Các thuế khác	0,09	0,43	0,14
4	- Phí và lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	0
5	- Thuế thu nhập cá nhân	2,37	8,26	1,94
<b>Tổng cộng</b>		<b>(10,85)</b>	<b>16,76</b>	<b>8,60</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)  
Các khoản phải nộp theo luật định (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng đầu năm 2023
1	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(14,90)	6,69	4,53
2	- Thuế giá trị gia tăng	1,46	1,37	1,94
3	- Các thuế khác	0,09	0,42	0,14
4	- Phí và lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	0
5	- Thuế thu nhập cá nhân	2,37	8,26	1,94
<b>Tổng cộng</b>		<b>(10,99)</b>	<b>16,74</b>	<b>8,55</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước trong năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023.

▪ **Trích lập các quỹ**

**Trích lập các quỹ (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
- Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
- Quỹ dự phòng tài chính	141,98	166,35	197,39
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	71,68	84,14	54,64
- Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
<b>Tổng cộng</b>	<b>216,51</b>	<b>253,34</b>	<b>254,88</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

**Trích lập các quỹ (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu cuối kỳ	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
- Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
- Quỹ dự phòng tài chính	119,93	144,15	175,20
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	60,66	73,04	43,55
- Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
<b>Tổng cộng</b>	<b>183,44</b>	<b>220,04</b>	<b>221,60</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

Ngân hàng Bản Việt thực hiện đúng và đầy đủ việc trích lập các Quỹ theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo phê duyệt Đại hội đồng cổ đông.

**12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Các chỉ tiêu tài chính (Hợp nhất)**

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/giảm 2022/2021	09 tháng đầu năm 2023
<b>1. Quy mô vốn</b>				
- Vốn điều lệ	3.671	3.671	0%	5.017
- Tổng tài sản có	76.511	79.067	3,34%	84.287
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)	10,86%	13,15%	2,29%	12,34%
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Huy động tiền gửi khách hàng	45.245	50.129	10,79%	53.866
- Dự nợ cho vay khách hàng	46.389	50.859	9,69%	53.030
- Nợ quá hạn	1.759	2.645	50,37%	3.145
- Nợ xấu	1.176	1.419	20,66%	1.887
- Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn)	22,10%	16,58%	-5,52%	16,57%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ tổng số dự bảo lãnh	0%	0%	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dự nợ	3,79%	5,20%	1,41%	5,93%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dự nợ (theo TT11)	2,11%	2,41%	0,30%	3,05%
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>				
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	-	-	-	-

Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/giảm 2022/2021	09 tháng đầu năm 2023
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	77,30%	74,14%	-3,16%	71,49%
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VNĐ	128,65%	150,60%	21,95%	162,17%
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày USD	161,47%	-34,07%		-172,08%

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)  
Các chỉ tiêu tài chính (Riêng lẻ)

ĐVT: Tỷ đồng

Chi tiêu (Riêng lẻ)	31/12/2021	31/12/2022	% Tăng/giảm 2022/2021	09 tháng đầu năm 2023
<b>1. Quy mô vốn</b>				
- Vốn điều lệ	3.671	3.671	0%	5,017
- Tổng tài sản có	76.612	79.169	3,34%	84.387
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)(*)	10,79%	13,04%	2,25%	12.19%
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
- Huy động tiền gửi khách hàng	45.379	50.264	10,76%	54.001
- Dư nợ cho vay khách hàng	46.389	50.859	9,64%	53.030
- Nợ quá hạn	1.759	2.645	50,37%	3.145
- Nợ xấu	1.176	1.419	20,66%	1.887
- Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn)	18,20%	16,53%	-1,67%	16,53%
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/tổng số dự bảo lãnh	0%	0%	0%	0%
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	3,79%	5,20%	1,41%	5,93%
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	2,11%	2,41%	0,30%	3,05%
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>				
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	-	-	-	-
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi (LDR)	77,20%	73,99%	-3,21%	71,36%
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VNĐ	128,65%	150,60%	21,95%	162,17%
- Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày USD	161,47%	-34,07%		-172,08%

Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2022 và BCTC Quý 3/2023

**13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

**13.1. Hội đồng Quản trị**

**13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên:	<b>LÊ ANH TÀI.</b>
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	25/02/1972.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Số CMND:	079072014628.
Ngày cấp:	10/12/2019.
Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM.
Quá trình công tác:	
• 1991 – 04/1995	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
• 04/1995 – 10/1996	Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân.
• 11/1996 – 03/2001	Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Tân Việt.
• 04/2001 – 06/2002	Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu.
• 07/2002 – 05/2003	Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM.
• 06/2003 – 02/2007	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á.
• 03/2007 – 04/2010	Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương).
• 05/2010 – 10/2011	Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa.
• 05/2012 – 08/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long.
• 08/2012 – 04/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 05/2013 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản

	Việt.
• Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	10.265.928 cổ phần, chiếm 2,797% vốn điều lệ, trong đó:
- Sở hữu cá nhân:	10.265.928 cổ phần, chiếm 2,797%.
- Đại diện sở hữu:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Những người có liên quan:	Không có.

### **13.1.2. Thành viên thường trực HĐQT**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN THANH PHƯƠNG.</b>
Giới tính:	Nữ.
Ngày tháng năm sinh:	20/03/1980.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Số CMND:	091180000104.
Ngày cấp:	18/06/2020.
Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát.
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học International University in Geneva, Cử nhân kinh tế Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Quá trình công tác:	
• 10/1997 – 7/2001	Sinh viên Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.
• 10/2001 – 12/2003	Sinh viên Đại học International University in Geneva.
• 4/2004 – 5/2006	Phó Giám đốc tài chính Công ty Holcim Vietnam Ltd.

- 6/2006 – 8/2007 Giám đốc đầu tư Vietnam Holding Asset Management.
- 10/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt.
- 11/2007 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt.
- 5/2007 – nay Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt.
- 2/2012 – nay Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt.

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bản Việt.  
Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt.  
Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt.  
16.333.333 cổ phần, chiếm 4,449% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 16.333.333 cổ phần, chiếm 4,449%.
- Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan Không có.

Lợi ích liên quan đối với BVBank Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.

Các khoản nợ đối với BVBank Không.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.

Những người có liên quan: Không có.

### **13.1.3. Thành viên HĐQT**

#### ***a. Ông Ngô Quang Trung***

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 10/12/1973.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CCCD: 001073000650.

Ngày cấp:	04/09/2021.
Nơi cấp:	Hà Nội.
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ thương mại, chuyên ngành Quản lý Quỹ Đại học New South Wales, Sydney Úc, Cử nhân ngân hàng Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.
Quá trình công tác:	
• 08/1995 – 11/2000	Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
• 12/2000 – 04/2003	Phó phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
• 05/2004 – 09/2007	Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
• 10/2007 – 06/2009	Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
• 2007 – 2010	Ủy viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt).
• 07/2009 – 12/2012	Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
• 01/2013 – 01/2014	Tư vấn cao cấp về tài chính – ngân hàng Công ty TNHH Luật Bách Khoa.
• 01/2014 – 03/2015	Phụ trách khu vực Công ty Quản lý rủi ro doanh nghiệp BlackIce (Canada).
• 4/2015 – 03/2016	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 03/2016 – nay	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ hiện tại:	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	11.200.000 cổ phần, chiếm 3,051% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân:	11.200.000 cổ phần, chiếm 3,051%.
- Đại diện sở hữu:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	Thù lao nhận được theo quyết định của HĐQT, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Những người có liên quan:	Không có.

**b. Ông Nguyễn Nhất Nam**

Họ và tên:	<b>NGUYỄN NHẤT NAM.</b>
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	26/09/1981.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Số CMND:	025198105.
Ngày cấp:	21/08/2009.
Nơi cấp:	TPHCM.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế.
Quá trình công tác:	
• 09/1999 – 09/2011	Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin.
• 09/2001 – 09/2005	Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TPHCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại).
• 09/2005 – 12/2006	Nhân viên Cty Bia Rượu NGK Sài Gòn - CN Cà Mau.
• 12/2006 – 09/2009	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
• 09/2009 – 07/2010	Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.
• 07/2010 – 10/2011	Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lữ Gia - CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa.



- 11/2011 – 12/2011 Phó phòng phụ trách tín dụng-Ngân hàng TMCP Gia Định.
  - 12/2011 – 05/2012 Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 05/2012 – 07/2015 Giám đốc Khởi phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 07/2015 – 06/2020 Giám đốc Khởi thẩm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bản Việt.  
Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 06/2020 – nay
  - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: 3.573.455 cổ phần, chiếm 0,973% vốn điều lệ.
- Sở hữu cá nhân: 3.573.455 cổ phần, chiếm 0,973%.
  - Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan Trần Thị Đăng Ngọc (Vợ): 3.759.258 cổ phần, chiếm 1,024% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với BVBank Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHDCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
- Các khoản nợ đối với BVBank Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng Không có.

#### **13.1.4. Thành viên độc lập HĐQT**

Họ và tên: **PHẠM QUANG KHÁNH.**

Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/05/1985.

Quốc tịch: Việt Nam.

Số CMND: 001085028782.

Ngày cấp: 04/03/2019.

Nơi cấp:	Cục Cảnh Sát.
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK).
Quá trình công tác:	
• 04/2003 đến 02/2007	Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore.
• 02/2007 đến 03/2009	Chuyên viên kỹ thuật Cty Trans Infotech Việt Nam.
• 04/2009 đến 12/2010	Chuyên viên kỹ thuật Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 12/2010 đến 07/2011	Chuyên viên Phòng kinh doanh Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 07/2011 đến 04/2012	Chuyên viên Văn phòng đại diện Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 05/2012 đến 03/2015	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink.
• 04/2015 đến 05/2015	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM Cty CP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam(Cty CP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào).
• 06/2015 đến 06/2016	Học Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK).
• 07/2016 đến 12/2016	Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ.
• 01/2017 đến nay	Thành viên độc lập HĐQT - Ngân hàng TMCP Bản Việt. Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
• Chức vụ hiện tại:	Thành viên độc lập HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM- Cty CP Thanh toán Quốc gia Việt Nam.
Số cổ phần nắm giữ:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.

Các khoản nợ đối với BVBank Không.  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.  
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.  
Những người có liên quan: Không có.

### **13.2. Ban Tổng Giám đốc**

#### **13.2.1. Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **NGÔ QUANG TRUNG.**

Thông tin chi tiết đã được trình bày tại phần 13.1. Hội đồng quản trị.

#### **13.2.2. Phó Tổng Giám đốc**

##### ***a. Bà Văn Thành Khánh Linh***

Họ và tên: **VĂN THÀNH KHÁNH LINH**  
Giới tính: Nữ.  
Ngày tháng năm sinh: 1979.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Số CCCD: 079179003400  
Ngày cấp: 30/09/2019  
Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ.  
Quá trình công tác:  

- 04/2002 - 09/2004: Chuyên viên Pháp lý Tổng Cty XDCTGT 5 – Chi nhánh Miền Nam.
- 09/2004 - 03/2007: Chuyên viên Pháp lý Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất.
- 03/2007 - 10/2008: Chuyên viên Pháp lý Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 10/2008 - 07/2009: Trưởng Bộ phận Pháp chế Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 07/2009 - 06/2010: Phó Phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

- 07/2010 - 02/2013: Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
  - 03/2013 - 12/2013: Trưởng phòng Pháp chế - Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 01/2014 - 07/2015: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro & Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 08/2015 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.769.530 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,15%), trong đó:
- Sở hữu cá nhân: 5.769.530 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,15%).
  - Đại diện sở hữu: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan: 23.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,005% (Ông Võ Xuân Nam là chồng của bà Văn Thành Khánh Linh).
- Lợi ích liên quan đối với BVBank: được hưởng lương theo chính sách của BVBank trong từng thời kỳ.
- Các khoản nợ đối với BVBank: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.
- Những người có liên quan: Võ Xuân Nam

**b. Ông Phan Việt Hải**

- Họ và tên: **PHAN VIỆT HẢI.**
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 1979.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Số CCCD: 001079026385

Ngày cấp:	29/11/2019
Nơi cấp:	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ.
Quá trình công tác:	
• 12/2001 – 02/2004:	Phó Phòng CNTT Sở Khoa học Công nghệ Tp. HCM.
• 02/2004 – 06/2005:	Quyền Trưởng Phòng CNTT Sở Thông tin và Truyền thông Tp. HCM.
• 03/2007 – 06/2010:	Trưởng Phòng Tư vấn CNTT KPMG Việt Nam.
• 06/2010 – 11/2012:	Trưởng Phòng cao cấp Kiểm soát CNTT và Quản lý tài sản CNTT Bảo hiểm Prudential Việt Nam.
• 11/2012 - 12/2013:	Trưởng Phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 01/2014 - 07/2016:	Trưởng Phòng Hạ tầng Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 07/2016 - 14/06/2023:	Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 15/06/2023 - Nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	7.502.110 cổ phiếu (chiếm 1,495%).
- Sở hữu cá nhân:	7.502.110 cổ phiếu (chiếm 1,495%).
- Đại diện sở hữu:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	được hưởng lương theo chính sách của BVBank trong từng thời kỳ.
Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Những người có liên quan:	Không có
<b>c. Ông Nguyễn Thanh Tú</b>	

Họ và tên:	NGUYỄN THANH TÚ
Giới tính: Nam	Nam
Năm sinh: 1983	1983
Quốc tịch: Việt Nam	Việt Nam
Số CCCD:	079083017006
Ngày cấp:	22/09/2022
Nơi cấp:	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
Quá trình công tác:	
• 05/2007 - 04/2009:	Nhân viên Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định
• 04/2009 – 01/2012:	Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định
• 01/2012 - 04/2016:	Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 04/2016 - 06/2019:	Trưởng văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 06/2019 - 14/06/2023:	Giám đốc Khối Hỗ trợ Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 15/06/2023 - Nay:	
• Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần nắm giữ (đến hiện tại):	- Sở hữu cá nhân: 6.747.361 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 1,345%) - Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu
Sở hữu của người có liên quan:	3.833.332 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,764% (Bà Nguyễn Trần Thanh Trúc là chị ruột của Ông Nguyễn Thanh Tú)
Lợi ích liên quan với BVBank:	được hưởng lương theo chính sách của BVBank trong từng thời kỳ

Các khoản nợ đối với BVBank: Không có  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có  
Những người có liên quan: Nguyễn Trần Thanh Trúc

**d. Ông Lê Văn Bé Mười**

Họ và tên: **LÊ VĂN BÉ MƯỜI.**  
Giới tính: Nam.  
Ngày tháng năm sinh: 10/03/1972.  
Quốc tịch: Việt Nam.  
Số CMND: 352054078.  
Ngày cấp: 04/04/2007.  
Nơi cấp: CA An Giang.  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ.

**Quá trình công tác:**

- 09/2006 – 10/2012 Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN An Giang.
  - 11/2012 – 10/2013 Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang.
  - 11/2013 – 04/2017 Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 05/2017 – Đến nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: 4.229.628 cổ phần, chiếm 1,152% vốn điều lệ.
- Sở hữu cá nhân: 4.229.628 cổ phần, chiếm 1,152%.
  - Đại diện sở hữu: Không có.

Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Những người có liên quan:	Không có.

### **13.3. Ban Kiểm soát**

#### **13.3.1. Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên:	<b>PHAN THỊ HỒNG LAN.</b>
Giới tính:	Nữ.
Ngày tháng năm sinh:	07/11/1967.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Số CMND:	022241860.
Ngày cấp:	16/03/2012.
Nơi cấp:	TP. HCM.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
Quá trình công tác:	
• 1986 – 1990	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế.
• 1990 – 1995	Kế toán tổng hợp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo.
• 1995 – 1997	Kế toán công nợ Công ty Sữa Dutch Lady.
• 1997 – 2007	Kế toán tổng hợp Cty LD American Home.
• 2007 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty CP QLQ ĐTCK Bản Việt.
• 2011 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty CP Pi Capital.
• 2010 - 3/2013	Kế toán trưởng Cty TNHH Giáo dục Bản Việt.
• 4/2013 - đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ hiện tại:	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ	Không có.



chức khác	
Số cổ phần nắm giữ:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Những người có liên quan:	Không có.

### **13.3.2. Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên:	<b>LÊ HOÀNG NAM.</b>
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	07/10/1974.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Số CMND:	022761665.
Ngày cấp:	27/01/2011.
Nơi cấp:	TP. HCM.
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng. Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
Quá trình công tác:	
• 1992 – 1995	Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng.
• 4/1996 - 6/2009	Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM.
• 7/2009 - 7/2012	Kiểm toán nội bộ Cty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM.
• 8/2012 - 01/2013	Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 01/2013 - 3/2014	Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt.

- 04/2014 – đến nay Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan Không có.
- Lợi ích liên quan đối với BVBank Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
- Các khoản nợ đối với BVBank Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.
- Những người có liên quan: Không có.

### **13.3.3. Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ THANH THÚY.**
- Giới tính: Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 31/01/1973.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Số CMTND: 023796545.
- Ngày cấp: 23/09/2014.
- Nơi cấp: TP. HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Quá trình công tác:
- 10/1992-12/1996 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
  - 12/1996-07/2004 Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.
  - 07/2004-07/2006 Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao -Ngân hàng TMCP Gia Định.
  - 03/2012-12/2013 Phó giám đốc CN Hàng Xanh- Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 12/2013-10/2014 Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng

- 10/2014-10/2015 TMCP Bản Việt.  
Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 10/2015- 08/2020 Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - 08/2020- đến nay Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác Không có.
- Số cổ phần nắm giữ: Không có.
- Sở hữu của người có liên quan Không có.
- Lợi ích liên quan đối với BVBank Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
- Các khoản nợ đối với BVBank Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có.
- Những người có liên quan: Không có.

#### **13.4. Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **LÝ CÔNG NHA.**
- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 01/11/1967.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Số CMND: 025412735.
- Ngày cấp: 12/02/2011.
- Nơi cấp: CA TP HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.
- Quá trình công tác:
- 04/1994 – 07/2006 Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau.
  - 08/2006 – 08/2009 Trưởng Phòng Kế toán tài chính Ngân hàng TMCP

	Ngoại thương Việt Nam – CN Phú Thọ.
• 09/2009 – 03/2010	Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định.
• 03/2010 – 03/2011	Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định.
• 04/2011 – 03/2017	Phó GD CN Ngân hàng BD Liên Việt – CN Chợ Lớn.
• 03/2017 – Đến nay	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ:	3.870.370 cổ phần, chiếm 1,054% vốn điều lệ.
- Sở hữu cá nhân:	3.870.370 cổ phần, chiếm 1,054%.
- Đại diện sở hữu:	Không có.
Sở hữu của người có liên quan	Không có.
Lợi ích liên quan đối với BVBank	Thù lao nhận được theo quyết định của ĐHDCĐ, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần.
Các khoản nợ đối với BVBank	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có.
Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng:	Không có.
Những người có liên quan:	Không có.

**14. Tài sản:**

**14.1 Tài sản cố định hữu hình:**

**Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Danh mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	200	181	224	200	238	210
Máy móc thiết bị	234	131	251	126	257	116
Phương tiện vận chuyển	146	75	160	79	178	91
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	1	6	4	7	4

Danh mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình khác	45	28	52	32	56	33
<b>Tổng cộng</b>	<b>628</b>	<b>417</b>	<b>693</b>	<b>441</b>	<b>736</b>	<b>454</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

**Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	200	181	224	200	238	210
Máy móc thiết bị	234	131	251	126	257	117
Phương tiện vận chuyển	146	75	160	79	178	91
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	1	6	4	7	4
Tài sản cố định hữu hình khác	45	28	52	32	56	34
<b>Tổng cộng</b>	<b>628</b>	<b>417</b>	<b>693</b>	<b>441</b>	<b>736</b>	<b>456</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2021, 2022 và BCTC Quý 3/2023)

**14.2 Tài sản cố định vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)**

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	677	651	846	816	848	816
Phần mềm máy vi tính	301	159	321	165	352	184
<b>Tổng cộng</b>	<b>978</b>	<b>810</b>	<b>1.167</b>	<b>981</b>	<b>1.200</b>	<b>1.000</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Hợp nhất năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

**Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)**

Đơn vị: tỷ đồng

Danh mục	31/12/2021		31/12/2022		30/09/2023	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	677	651	846	816	848	816
Phần mềm máy vi tính	301	159	321	165	352	184
<b>Tổng cộng</b>	<b>978</b>	<b>810</b>	<b>1.167</b>	<b>981</b>	<b>1.200</b>	<b>1.000</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Riêng lẻ năm 2022 và BCTC Quý 3/2023)

**15. Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức**

- Ngân hàng sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

**Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ lệ cổ tức (%)	-	-

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

**16. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận trong các năm tiếp theo**

**Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2023**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh	1.980	3,29%
Lợi nhuận sau thuế	402	10,42%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập lãi thuần	20,30%	-0,94%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	7,61%	0,33%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	-	-
Vốn điều lệ	5.139,2(*)	40%

*Nguồn: Ngân hàng Bản Việt*

**Ghi chú (\*):** Thực hiện theo phương án tăng vốn đã được ĐHCĐ thường niên 2023 thông qua, hết Quý III/2023, Ngân hàng Bản Việt đã hoàn thành các thủ tục để tăng vốn điều lệ lên 5.016,8 tỷ đồng.

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2023:**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2023 đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo định hướng hoạt động kinh doanh của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

❖ **Cơ sở để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:**

Trong năm 2023, BVBank tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại. Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục được phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SME, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ trên kênh ngân hàng điện tử. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Tài chính:
  - ✓ Gia tăng thu phí dịch vụ, phí ngoài lãi.
  - ✓ Tối ưu hóa chi phí hoạt động hiệu quả.
  - ✓ Tích cực thu hồi nợ quá hạn để hoàn các khoản lãi đang treo ngoài bảng và dự phòng.
- Phát triển mạng lưới: tiếp tục thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu, trình Ngân hàng Nhà nước xem xét thành lập mở mới 23 điểm giao dịch, nâng tổng số mạng lưới giao dịch toàn quốc lên 131 điểm trong năm 2023.
- Khách hàng Cá nhân:
  - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm: phát triển hệ khách hàng tại các kênh truyền thống; Tăng cường phát triển hệ khách hàng qua các kênh đối tác Fintechs, ...
  - ✓ Huy động vốn: Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ; Đặt trải nghiệm của khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ tính năng trên thiết bị di động.
  - ✓ Quản lý danh mục: Ban hành chính sách/lãi suất linh hoạt theo danh mục sản phẩm; địa bàn phù hợp định hướng rủi ro.
- Khách hàng doanh nghiệp:
  - ✓ Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay... hưởng ứng theo tinh thần của NHNN về việc khơi thông nguồn vốn, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn trong tình hình kinh tế hiện nay.
  - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương.

- ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác lớn để khai thác thị trường:
  - ✓ Dịch vụ thu hộ/chị hộ Open API.
  - ✓ Dịch vụ gửi tiết kiệm Online, vay, thẻ tín dụng trên kênh của đối tác.
  - ✓ Phát triển ngân hàng số Timo.

❖ **Kết quả đạt được đến Quý 3/2023**

Tính đến Quý 3/2023, thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.242 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 49 tỷ đồng (tương ứng đạt 62,7% kế hoạch chỉ tiêu thu nhập thuần và đạt 12% kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế). Nguyên nhân khiến kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch do chi phí vốn đầu vào tăng cao bởi tác động của những biến động thị trường từ cuối Quý 3/2022 (chi phí huy động vốn tăng 54% so với cùng kỳ 2022), ngoài ra định hướng chiến lược của Ngân hàng trong những năm gần đây là tiếp tục mở rộng mạng lưới, gia tăng nhận diện thương hiệu, đầu tư nguồn lực lớn cho hoạt động bán lẻ, làm cho chi phí hoạt động lũy kế 9 tháng đầu năm tăng 9% so với cùng kỳ, dẫn đến thu nhập lãi thuần 9 tháng giảm 21% so với cùng kỳ năm 2022. BVBank kỳ vọng trong thời gian còn lại của năm 2023, nền kinh tế có những dấu hiệu hồi phục nhất định, hoạt động của khách hàng có khởi sắc hơn, qua đó tạo tiền đề giúp thúc đẩy hoạt động kinh doanh của ngân hàng những tháng cuối năm, đặc biệt là chỉ tiêu cho vay và thu hồi công nợ của Ngân hàng để hoàn thành tối đa kế hoạch kinh doanh 2023.

**17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) đã tiến hành khảo sát, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của BVBank.

Năm 2023 là một năm còn nhiều khó khăn tác động đến nền kinh tế, với ngành ngân hàng thực hiện theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng liên tục giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong khi chi phí huy động vốn lại tăng cao dẫn đến hiện tượng 10/27 NHTM tăng trưởng âm so với cùng kỳ. Dựa trên kết quả kinh doanh của BVBank qua các năm 2021, 2022 cho đến 9 tháng năm 2023, cùng với khả năng triển khai và vận hành công tác tổ chức, quản lý doanh nghiệp, chúng tôi cho rằng, BVBank cần phải áp dụng thêm nhiều giải pháp đồng bộ để thúc đẩy tăng trưởng, hướng đến mục tiêu tăng trưởng dương trong thời gian còn lại của năm 2023.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán



**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết**

Các thông tin về những cam kết, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết.

**Cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành tại thời điểm 30/09/2023**

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Trái phiếu chưa đáo hạn	4.046,63	4.227,87	2.612,12

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

Các thông tin về những cam kết, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết.

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại thời điểm 30/09/2023 của BVBank như sau:

**Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra**

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>I.Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>1.432</b>	<b>1.300</b>	<b>1.136</b>	<b>1.432</b>	<b>1.300</b>	<b>1.432</b>
1.Bảo lãnh vay vốn	1	1	1	1	1	1
2.Cam kết trong nghiệp vụ L/C	146	77	2	146	77	146
3.Bảo lãnh khác	1.285	1.222	1.133	1.285	1.222	1.285
<b>II.Các cam kết đưa ra</b>	<b>6.784</b>	<b>12.546</b>	<b>16.764</b>	<b>6.784</b>	<b>12.546</b>	<b>16.764</b>
1.Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-	-	-	-	-
2.Cam kết khác	6.784	12.546	16.764	6.784	12.546	16.764

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022 và BCTC Quý 3/2023 (Riêng và Hợp nhất)

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Tổ chức đăng ký niêm yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

## **V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT:**

Các nội dung được trình bày dưới đây là các thông tin, các điều khoản và điều kiện về trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank. Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu, hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung, quy định và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan tại Bản cáo bạch này và phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của BVBank.

### **1. Loại trái phiếu:**

Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, được phát hành và thanh toán bằng Việt Nam Đồng và thỏa các điều kiện để được tính vào Vốn cấp 2 theo các quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN và các quy định pháp luật hiện hành.

### **2. Tên trái phiếu:**

Trái phiếu BVB phát hành ra công chúng năm 2021-2022 (Đợt 3)

### **3. Mã trái phiếu**

BVB123025

### **4. Mệnh giá:**

100.000 VND (Một trăm nghìn đồng)/Trái phiếu

### **5. Số lượng trái phiếu niêm yết:**

3.843.800 (ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm) trái phiếu.

### **6. Số lượng trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Không có

### **7. Ngày phát hành**

22/08/2023 (“Ngày Phát Hành”)

### **8. Ngày Đáo hạn**

22/08/2029 (“Ngày Đáo Hạn”)

### **9. Kỳ hạn**

06 (sáu) năm kể từ Ngày Phát Hành

### **10. Xếp hạng tín nhiệm**

Không có

### **11. Mục đích phát hành trái phiếu và thực tế sử dụng vốn**

Mục đích phát hành/chào bán Trái phiếu ra công chúng năm 2021 của BVBank là để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải

ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái phiếu), tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Tổng giá trị trái phiếu BVBank đã phát hành trong Đợt 3 là 384,38 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 15/11/2023, BVBank chưa sử dụng số tiền thu được trong tổng giá trị trái phiếu đã phát hành Đợt 3.

**12. Lãi suất và xác định tiền lãi trái phiếu:**

**12.1. Lãi suất:**

Trái Phiếu phát hành được áp dụng lãi suất cố định cho tất cả các Kỳ Tính Lãi theo bảng:

<b>Đợt phát hành</b>	<b>Số lượng trái phiếu</b>	<b>Giá trị phát hành (theo mệnh giá)</b>	<b>Lãi suất (/năm)</b>
Đợt 3	3.843.800	384.380.000.000 đồng	9%

Lãi suất Trái Phiếu trong trường hợp thanh toán trước hạn được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

**12.2. Xác định tiền lãi trái phiếu:**

- Tổng tiền lãi Trái Phiếu được hưởng, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn, sẽ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi được hưởng trong Kỳ Tính Lãi} = \text{Tổng mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ trong Kỳ Tính Lãi} \times \text{Lãi Suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \frac{\text{Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

- Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc ngày Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn. Trong trường hợp tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì khi đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại (kể cả trước và sau khi có phán quyết) từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Yêu Cầu Mua Lại cho đến nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu. Tiền lãi trên các khoản phải trả (trừ các khoản lãi) chậm thanh toán sẽ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lãi được} \\ \text{hưởng trong} \\ \text{trường hợp} \\ \text{chậm thanh} \\ \text{toán các} \\ \text{khoản phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng mệnh} \\ \text{giá Trái} \\ \text{phiếu đang} \\ \text{nắm giữ} \\ \text{hoặc giá trị} \\ \text{các khoản} \\ \text{phải trả} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Lãi Suất Trái} \\ \text{Phiếu} \\ \text{(\%/năm)} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số ngày} \\ \text{thực tế bị} \\ \text{chậm} \\ \text{thanh toán} \end{array}}{365}$$

- Phạt chậm trả lãi Trái Phiếu: Trường hợp khoản tiền lãi Trái phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành thì Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu tiền phạt trên số dư lãi chậm trả của Trái Phiếu với số tiền phạt được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{phạt} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lãi Suất} \\ \text{Trái} \\ \text{Phiếu} \\ \text{(\%/năm)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số ngày quá hạn} \\ \text{trả lãi Trái} \\ \text{Phiếu/365} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số dư lãi} \\ \text{Trái} \\ \text{Phiếu} \\ \text{chậm trả} \end{array}$$

- Để tránh nhầm lẫn, sẽ không có bất kỳ khoản lãi nào phát sinh (và Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản lãi nào phát sinh) trên khoản phạt chậm trả lãi Trái Phiếu trong bất kỳ trường hợp nào.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc Gốc mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký thì số tiền thanh toán Lãi, Gốc đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành hoặc các thành viên lưu ký giữ hộ và không được hưởng lãi.
- Trong trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại và/hoặc Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn thanh toán khác không phải là Ngày làm việc, thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm việc tiếp theo và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.
- Đối với việc ngừng thanh toán tiền lãi trái phiếu:
  - ✓ Trong khoảng thời gian từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền Lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ (“Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán”). Việc chậm trả lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là “Kỳ Tạm Ngừng” thanh toán tiền lãi đó.

- ✓ Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào Gốc và sẽ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày hoàn trả thực tế (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán) và được tính trên số ngày thực tế chậm trả trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- ✓ Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán là Lãi Suất của Trái Phiếu tương ứng (mức lãi suất này được áp dụng trong suốt thời gian tạm ngừng thanh toán tiền lãi).

### **13. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc trái phiếu:**

- Áp dụng chung cho Các Trái Phiếu, Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn (01) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.
- Tiền Gốc sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá của Trái Phiếu tương ứng vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại phù hợp với Điều Khoản, Điều Kiện Trái Phiếu.
- Chậm nhất 08 (tám) ngày làm việc trước Ngày đăng ký cuối cùng, Tổ Chức Phát Hành gửi hồ sơ Thông báo thực hiện quyền đến VSDC. Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo trên trang thông tin điện tử của mình trong vòng 01 (một) ngày làm việc ngay sau khi VSDC đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của VSDC về Ngày đăng ký cuối cùng và Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái phiếu.
- Đối với các trái phiếu được đăng ký tập trung tại VSDC nhưng chưa thực hiện lưu ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành chuyển trực tiếp vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái phiếu được đăng ký trong Sổ đăng ký trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành.
- Đối với các trái phiếu được đăng ký tại VSDC và đã thực hiện lưu ký, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua các thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái phiếu mở tài khoản lưu ký.

### **14. Quyền Mua lại Trái phiếu trước hạn**

- Tổ chức phát hành có thể mua lại trước hạn tối đa 100% khối lượng Trái phiếu đã phát hành kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc tại ngày mua lại khác phù hợp với điều kiện, điều khoản trái phiếu. Số tiền thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu khi BVBank thực hiện việc mua lại, bao gồm: 100% mệnh giá và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (đối với nhà đầu tư là cá nhân) và các phí có liên quan (nếu có) theo biểu phí dịch vụ của Tổ Chức Phát Hành trong từng thời kỳ.
- Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu kể từ Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận được 100% khoản tiền Gốc Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái

Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.

- Ngày thực hiện quyền mua lại: là từ ngày tròn 15 (mười lăm) tháng kể từ ngày phát hành.
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại trên trang thông tin điện tử chính thức và thực hiện công bố thông tin trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu tương ứng, đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Phát Hành mà không do lỗi của Tổ Chức Phát Hành hoặc không thực hiện đủ các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi nhận tại Tổ Chức Phát Hành hoặc thông qua các Thành viên lưu ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký.
- Trong phạm vi các Văn bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan yêu cầu, Tổ Chức Phát Hành sẽ có quyền khấu trừ hoặc giữ lại các khoản thuế, nghĩa vụ thuế, phí và chi phí từ bất kỳ khoản nào phải thanh toán cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện, Điều Khoản Trái Phiếu này để nộp cho Cơ quan Nhà nước nêu trên theo quy định.

#### **15. Phương pháp tính giá (Công thức kèm ví dụ minh họa)**

Thị giá hay giá của Trái Phiếu (Market value) là giá giao dịch thứ cấp của Trái Phiếu do thị trường quyết định và luôn thay đổi theo quan hệ cung cầu trên thị trường. Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi nhà đầu tư. Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- $PV$ : là giá của trái phiếu
- $FV$ : là Mệnh giá (gốc) của trái phiếu
- $CF_i$ : là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ tại trả lãi thứ  $i$
- $n$ : là số kỳ trả lãi còn lại của trái phiếu
- $k$ : là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất trái phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các nhà đầu tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau.

Để tính giá trái phiếu, nhà đầu tư có thể tham khảo các bước sau:

- (1) Xác định ngày thanh toán thực tế;
- (2) Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;

- (3) Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phòng theo mô hình phù hợp (nếu có).
- (4) Xác định mức lãi suất trái phiếu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự, có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);
- (5) Lựa chọn phương thức tính ngày phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản;
- (6) Áp dụng công thức nêu trên để tính giá trái phiếu.

**Ví dụ minh họa:**

Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.
- Ngày phát hành: 22/08/2023.
- Ngày đáo hạn: 22/08/2029.
- Kỳ tính lãi: định kỳ 01 (một) năm/lần, vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày phát hành cho đến (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn.
- Lãi suất cố định: 9%/năm (chín phần trăm một năm).

Các thông số tính toán được xác định như sau:

- Ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến: 12/12/2023.
- Số kỳ hưởng lãi và nhận lãi còn lại (n): 6 (sáu) kỳ, ngày nhận lãi là các ngày 22/08/2024; 22/08/2025; 22/08/2026; 22/08/2027; 22/08/2028; và 22/08/2029.
- Phương pháp tính ngày: Số ngày nắm giữ thực tế của năm dương lịch/365.
- Lợi suất kỳ vọng (giả sử bằng với lãi suất cố định): 9%/năm (chín phần trăm một năm).

Kỳ thanh toán	1	2	3	4	5	6
	22/08/2024	22/08/2025	22/08/2026	22/08/2027	22/08/2028	22/08/2029
Lãi suất	9%	9%	9%	9%	9%	9%
Dòng tiền lãi ( $CF_t$ )	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
Tiền gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	100.000
Số ngày nắm giữ thực tế (n)	254	619	984	1.349	1.715	2.080
0Lợi suất trái phiếu kỳ vọng (k)	9%	9%	9%	9%	9%	9%

Với các đặc điểm của trái phiếu và giả định nêu trên, giá của trái phiếu tại ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến là:

$$PV = \frac{9.000}{(1+9\%)^{254/365}} + \frac{9.000}{(1+9\%)^{619/365}} + \frac{9.000}{(1+9\%)^{984/365}} + \frac{9.000}{(1+9\%)^{1.349/365}} + \frac{9.000}{(1+9\%)^{1.715/365}} + \frac{109.000}{(1+9\%)^{2.080/365}}$$

$$PV = 8.476 + 7.776 + 7.134 + 6.545 + 6.003 + 66.703 = 102.638 \text{ (đồng/trái phiếu)}$$

## 16. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (Công thức kèm ví dụ minh họa)

- Lợi suất đáo hạn – YTM (Yield to Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của trái phiếu).
- Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức tính giá trái phiếu được trình bày tại mục “14 – Phương pháp tính giá” trên đây.

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

### *Ví dụ minh họa:*

- Một Trái Phiếu có các đặc tính như sau:
  - Mệnh giá: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.
  - Ngày phát hành: 22/08/2023.
  - Ngày đáo hạn: 22/08/2029.
  - Kỳ tính lãi: định kỳ 01 (một) năm/lần, vào ngày tròn 01 (một) năm kể từ ngày phát hành cho đến (nhưng không bao gồm) ngày đáo hạn.
  - Lãi suất cố định: 9%/năm (chín phần trăm một năm).
- Các thông số tính toán được xác định như sau:
  - Ngày giao dịch (ngày niêm yết) dự kiến: 12/12/2023.
  - Giá giao dịch dự kiến: 102.638 (đồng/trái phiếu).

Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

$$102.368 = \frac{9.000}{(1+k\%)^{254/365}} + \frac{9.000}{(1+k\%)^{610/365}} + \frac{9.000}{(1+k\%)^{924/365}} + \frac{9.000}{(1+k\%)^{1.349/365}} + \frac{9.000}{(1+k\%)^{1.713/365}} + \frac{109.000}{(1+k\%)^{2.080/365}}$$

Áp dụng phương pháp nội suy:  $k = 9\%$  Do đó,  $YTM = 9\%$ .

## 17. Phương pháp thực hiện quyền:

Không áp dụng.

## 18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết:



Lạm phát được xác định là một trong những chỉ tiêu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam từ trước đến nay. Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Giá trị trái phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị trái phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại.

Khi tỷ lệ lạm phát tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm trị hiện tại của trái phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị trái phiếu. Có thể nhận định rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của trái phiếu. Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn trái phiếu không có biến động bất thường, Trái phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất.

**19. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo:**

Không có.

**20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Đối với loại trái phiếu do BVBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng trái phiếu từ nhà đầu tư trong nước cho nhà đầu tư nước ngoài.

**21. Các loại thuế có liên quan:**

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể có ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư, một số nhà đầu tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hóa) phải tuân theo các quy định riêng.

**21.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân:**

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi trái phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và

- Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

#### **21.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp:**

- Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh Nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016
- Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:
  - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ trái phiếu là 5%; và
  - ✓ Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN:**

### **1. Tổ chức kiểm toán:**

- **Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính**

#### **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI TP. HCM**

✓ Địa chỉ: Tòa nhà Sun Wah, lầu 10, 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

✓ Điện thoại: (84-28) 3821 9266 Fax: (84-28) 3821 9267

- **Tổ chức kiểm toán Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành**

#### **CÔNG TY TNHH ERNST& YOUNG VIỆT NAM**

✓ Địa chỉ: Trung tâm Tài chính Bitexco, tầng 20, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

✓ Điện thoại: (84-28) 3824 5252 Fax: (84-28) 3824 5250

### **2. Tổ chức tư vấn:**

#### **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 7300 7000 Fax: (028)7300 3751

## **VII. PHỤ LỤC**

- Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Nghị quyết số 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Bản Việt thông qua việc niêm yết trái phiếu;
- Quyết định số 85/21/QĐ-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng quản trị BVBank thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021-2022;
- Quyết định số 80/22/QĐ-HĐQT ngày 15/06/2022 của Hội đồng quản trị BVBank về việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021-2022;
- Quyết định số 43/23/QĐ-HĐQT ngày 20/04/2023 của Hội đồng quản trị BVBank về việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021-2022;
- Quyết định số 84/23/QĐ-HĐQT ngày 17/07/2023 của Hội đồng quản trị BVBank về việc điều chỉnh phương án phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021-2022
- Quyết định số 272/2023/QĐ-TGDĐ ngày 21/07/2023 của Tổng Giám đốc BVBank về việc triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2021-2022 (Đợt 3);
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2021, 2022 (đã kiểm toán) và báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý 2/2023;
- Các tài liệu khác có liên quan.



TP Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2023  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT**

Viet Capital Bank

# Ngân hàng Bản Việt

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**LÊ ANH TÀI**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGÔ QUANG TRUNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**PHAN THỊ HỒNG LAN**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**LÝ CÔNG NHA**

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

# ACBS

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN ĐỨC HOÀN**

